

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp rất quan trọng. Đặc biệt tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hoạch toán kế toán. Qua đó nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ như thế nào? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp đạt được là gì?... Tất cả những thông tin này sẽ giúp cho các nhà quản trị đưa ra các chính sách đúng đắn, kịp thời và phù hợp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian thực tập tại Nhà máy Đất Đền và Hoá Chất Tràng Kênh, em đã hiểu sâu hơn về tổ chức kế toán và tầm quan trọng của nó, đặc biệt là tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Do đó em quyết định chọn đề tài : “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Nhà máy Đất Đền và Hoá Chất Tràng Kênh” cho bài khoá luận của mình. Nội dung khoá luận của em gồm 3 chương chính sau:

***Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.***

***Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại “Nhà máy Đất Đền và Hoá Chất Tràng Kênh”.***

***Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Nhà máy Đất Đền và Hoá Chất Tràng Kênh.***

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là cô giáo Th.S Trần Thị Thanh Phương. Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của ban lãnh đạo Nhà máy và tập thể nhân viên trong phòng kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khoá luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài khoá luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

**Sinh viên**  
**Phạm Thị Thanh Nga**

**CHƯƠNG 1:**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN**  
**DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ**  
**KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào hoạt động hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá rủi ro) và lợi nhuận là thước đo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác, chi phí. Hay nói cách khác doanh thu, thu nhập khác, chi phí và lợi nhuận là các chỉ tiêu phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, mở rộng mặt hàng nào để đạt được kết quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được thông tin, số liệu cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất.

Tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp những thông tin quan trọng không chỉ cần thiết đối với nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp

nhằm đưa ra quyết định có cho vay không, cho vay bao nhiêu và bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước,...

### **1.2 Phân loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trước đây, trong cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch tập trung, tổ chức công tác doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hầu như được Nhà nước “lo” cho toàn bộ. Vì vậy công tác này thường bị các doanh nghiệp xem nhẹ. Khi chuyển sang cơ chế thị trường thì doanh nghiệp phải tự chủ trong sản xuất kinh doanh, không còn bao cấp của Nhà nước thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trở nên vô cùng quan trọng. Các doanh nghiệp phải tổ chức tốt được công tác này mới có thể đưa ra được biện pháp để tăng doanh thu, giảm chi phí và tối đa hoá lợi nhuận.

#### **❖ Doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

#### **❖ Chi phí:**

Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong thời kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### **❖ Kết quả kinh doanh:**

Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp được chia thành ba hoạt động cơ bản sau :

- *Hoạt động sản xuất kinh doanh* : Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

- *Hoạt động tài chính* : Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời

- *Hoạt động khác*: Là những hoạt động diễn ra không thường xuyên ,không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng ít khả năng thực hiện , các hoạt động khác như nhau : Thanh lý , nhượng bán TSCĐ , thu được tiền phạt do đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế , thu được khoản nợ khó đòi đã xoá sổ , ...

Tuy nhiên tùy vào đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình mà một doanh nghiệp cũng có thể chỉ có một hoặc hai trong ba hoạt động kinh doanh nói trên.

Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động :

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán ( bao gồm cả sản phẩm, hàng hoá bất động sản đầu tư, dịch vụ giá trị sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động bất động sản đầu tư như : Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư ), CP bán hàng, CPQLDN.

$$\text{Kết quả HĐSXKD} = \text{DTT về BH và CCDV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý DN}$$

- *Kết quả hoạt động tài chính*: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

$$\text{Kết quả từ hoạt động tài chính} = \text{Thu nhập tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

- *Kết quả hoạt động khác*: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác, khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

**Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ xác định kết quả kinh doanh**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
Các khoản giảm trừ	Doanh thu thuần từ bán hàng và CCDV			
	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Doanh thu HĐTC	
	Chi phí BH, QLDN, chi phí tài chính	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Thu nhập khác	
		Tổng lợi nhuận trước thuế	Chi phí khác	
		Lợi nhuận sau thuế	CP thuế TNDN	

**1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thực hiện các nhiệm vụ sau:

***Nhiệm vụ của kế toán doanh thu***

- Phân ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng nhập xuất tồn kho thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ thành phẩm, tình hình thanh toán với người mua, với ngân sách Nhà nước về các khoản thuế phí và lệ phí, chất lượng, quy cách đối với từng loại sản phẩm, hàng hoá bán ra.

- Phân ánh ghi chép đầy đủ kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp qua từng thời kì và từng lĩnh vực hoạt động

- Kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết tới từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

***Nhiệm vụ của kế toán chi phí:***

- Căn cứ vào đặc điểm của quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức của công nghệ, đặc điểm tổ chức của sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp để xác định chi phí sản xuất, trên cơ sở đó tổ chức việc ghi chép cho thích hợp.

- Tổ chức tập hợp, phân bổ chi phí sản xuất cho lãnh đạo doanh nghiệp và tiến hành phân tích tình hình thực hiện các định mức chi và dự toán chi phí.

- Tính toán ghi chép chính xác các loại chi phí

***Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh***

- Hạch toán chính xác và kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn

- Tham gia kiểm kê đánh giá thành phẩm lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm báo cáo kết quả kinh doanh định kỳ tiến hành phân tích tình hình tiêu thụ kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp

**1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

**1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp**

**1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp**

Bán hàng (hay tiêu thụ hàng hoá) là giai đoạn cuối cùng của quá trình tuần hoàn vốn trong doanh nghiệp, nó là quá trình thực hiện về mặt giá trị của hàng hoá. Trong môi quan hệ này, doanh nghiệp phải chuyển giao hàng hoá cho người mua và người mua phải chuyển giao cho doanh nghiệp số tiền tương ứng với giá trị của hàng hoá đó.

Vậy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Tuy nhiên trong quá trình bán hàng cũng phát sinh một số trường hợp doanh nghiệp không mong muốn vì nó làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch

vụ của doanh nghiệp giảm sút. Đó là các khoản giảm trừ doanh thu:

✓ *Chiết khấu thương mại*: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn.

✓ *Giảm giá hàng bán*: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✓ *Hàng bán bị trả lại*: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại từ chối thanh toán.

**❖ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

***Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng***

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

***Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ***

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp đó.

**Nguyên tắc hạch toán doanh thu**

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ

đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ( bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công;

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

#### **❖ Các phương thức bán hàng**

- **Phương thức bán hàng trực tiếp** : Theo tiêu thức này người bán hàng giao hàng cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất hay tại quầy. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ

- Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

- Bán lẻ là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.



- **Phương thức chuyển hàng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng này mới được coi là tiêu thụ. Bán hàng theo phương thức này gồm hai loại bán buôn và bán lẻ, song phương thức này giao hàng không tại kho đơn vị sản xuất mà giao tại bên mua hoặc cửa hàng tiêu thụ.

- **Phương thức giao hàng đại lý**

Theo phương thức này, doanh nghiệp giao hàng trên cơ sở đại lý, cơ sở nhận đại lý ký gửi để họ tiếp tục bán lẻ hoặc bán buôn

Quyền sở hữu hàng hóa của doanh nghiệp thương mại giao cho đại lý được chấp dứt khi cơ sở đại lý ký gửi, thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc người giao hàng đại lý nhận được thông báo đã bán. Bên đại lý được hưởng hoa hồng theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Số hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi bên nhận đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán tiền hàng.

- **Phương thức bán trả chậm, trả góp :** Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhận định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- **Phương thức đổi hàng:** Nghĩa là doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả thị trường rồi dùng tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

- **Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hóa của mình trả lương cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp

### 1.4.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### ❖ Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Trong mỗi doanh nghiệp hàng tồn kho đều được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau với các đơn giá khác nhau. Vì vậy việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế phương pháp xuất kho... sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hàng tồn kho, yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Để tính trị giá xuất kho, doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

#### • Phương pháp bình quân gia quyền

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng nhu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, hàng hoá thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này khắc phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở nhiều doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

**• Phương pháp nhập trước, xuất trước ( FIFO)**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo FIFO thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

Phương pháp này giúp chúng ta có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho cho từng lần xuất hàng. Đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo cũng như giúp cho việc quản lý. Tuy nhiên, nhược điểm của phương pháp này là doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả thị trường ổn định hoặc có xu hướng giảm.

**• Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

LIFO giả định hàng mua sau cùng sẽ được xuất trước, xuất hết số nhập sau mới xuất đến số nhập trước, ngược lại với FIFO. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

**• Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, khi xuất kho sản phẩm, hàng hoá thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính giá vốn của sản phẩm, hàng hoá xuất bán.

Đây là phương pháp tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu nó tạo ra. Phương pháp này thích hợp với những hàng hoá có giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

**1.4.1.3: Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

**📌 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, Hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu,
- Giấy báo có, sổ phụ ngân hàng
- Các chứng từ liên quan

**📌 Tài khoản sử dụng**

**❖ Tài khoản 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Nội dung của tài khoản này được dùng để phản ánh tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán . Tổng số doanh thu ở đây có thể là tổng giá thanh toán ( với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo) phương pháp trực tiếp cũng như các đối tượng chịu thuế TTĐB , thuế XNK ,...) hoặc giá chưa có thuế GTGT (đối với các doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ )

TK 511 có các TK cấp 2 sau :

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng :
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 : Doanh thu trợ cấp trợ giá
- TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

**Kết cấu tài khoản**

**✓ Bên Nợ:**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

**✓ Bên Có:**

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hoá, bất động sản và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

**TK 511 không có số dư cuối kỳ.**

**❖ TK 512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”**

**Kết cấu tài khoản**

**✓ Bên Nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán).

- Thuế TTDB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội thuần vào TK 911

**✓ Bên Có:**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán

**TK 512 không có số dư cuối kỳ**

**❖ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại**

**Kết cấu tài khoản**

**Bên nợ :**

Số chiết khấu thương mại đã được chấp nhận thanh toán cho khách hàng

**Bên có :**

Cuối kỳ kế toán , kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo

**TK 521 không có số dư cuối kỳ**

❖ **Tài khoản 531 – “Hàng hoá bị trả lại”**

✓ **Bên nợ :**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại , đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán

✓ **Bên có :**

- Kết chuyển doanh thu của hàng hoá bị trả lại vào bên nợ của TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ , hoặc TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

*TK 531 không có số dư*

❖ **TK 532 – “Giảm giá hàng bán”**

✓ **Bên Nợ:**

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong quy định hoạt động kinh tế

✓ **Bên Có:**

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc TK 521 – “ Doanh thu bán hàng nội bộ”

*TK 532 không có số dư cuối kỳ*

❖ **TK 632 – “ Giá vốn hàng bán”**

✓ **Bên Nợ :**

- Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán

- Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

- Phản ánh các khoản chi liên quan đến BĐS đầu tư đem cho thuê, bán,

thanh lý và trị còn lại của BĐS đem bán, thanh lý.

✓ **Bên Có:**

-Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính

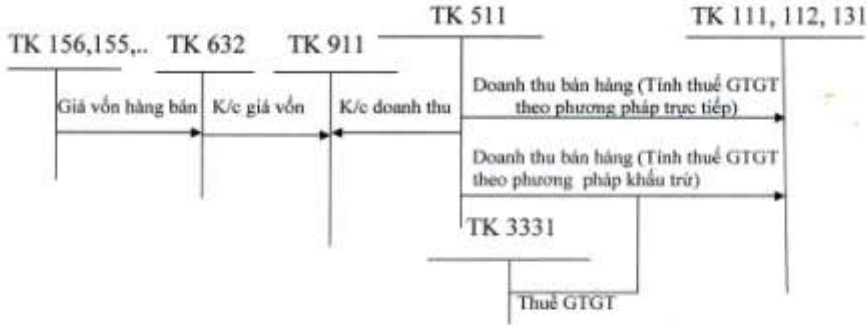
- Giá vốn của hàng bán bị trả lại

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh .

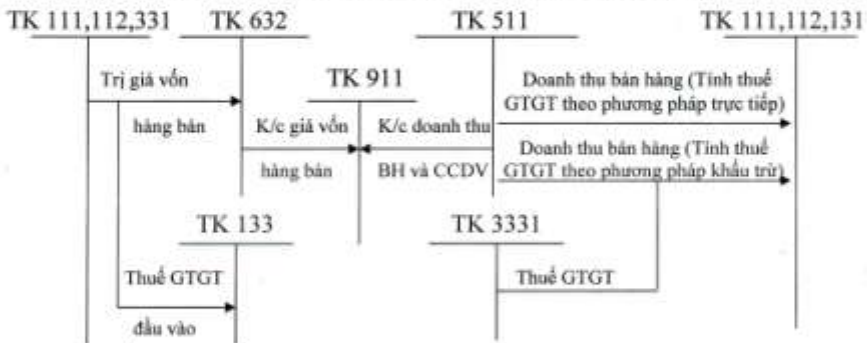
**Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ**

Sơ đồ hạch toán:

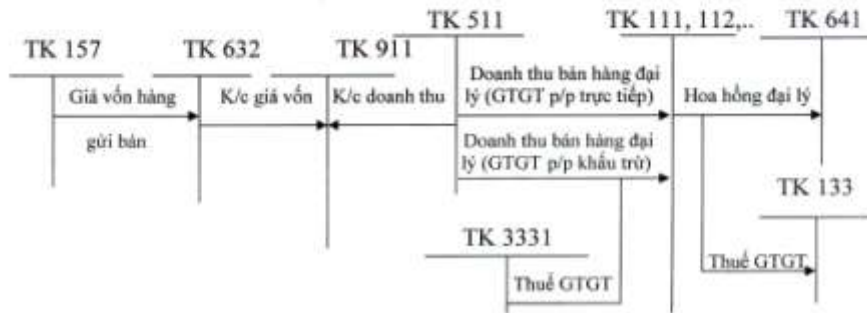
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng

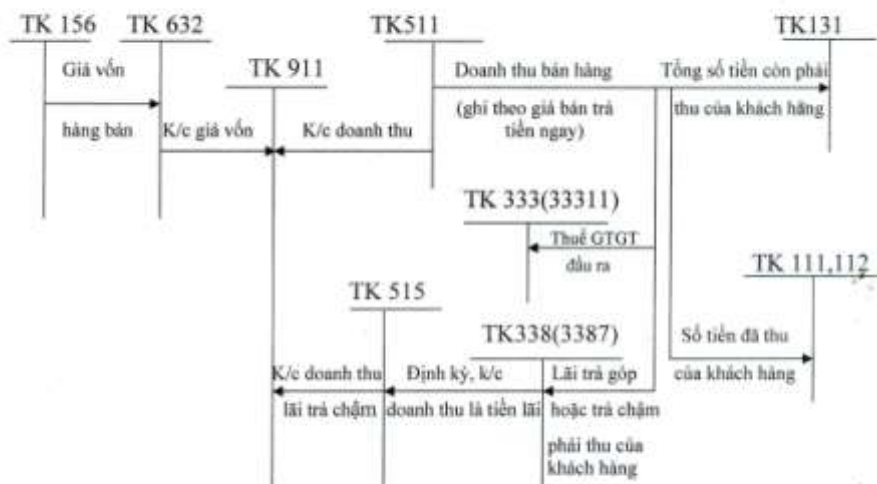


Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng thông qua đại lý ký gửi

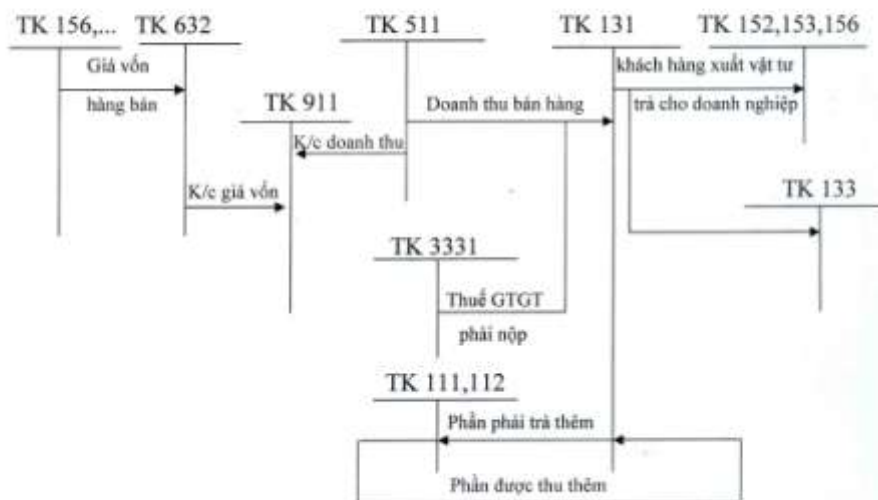




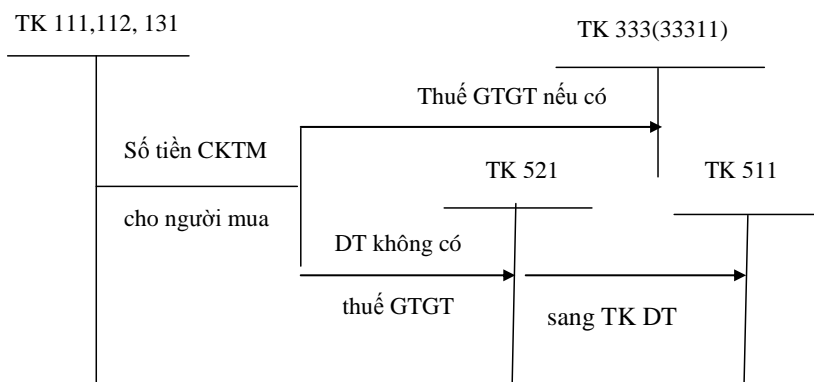
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



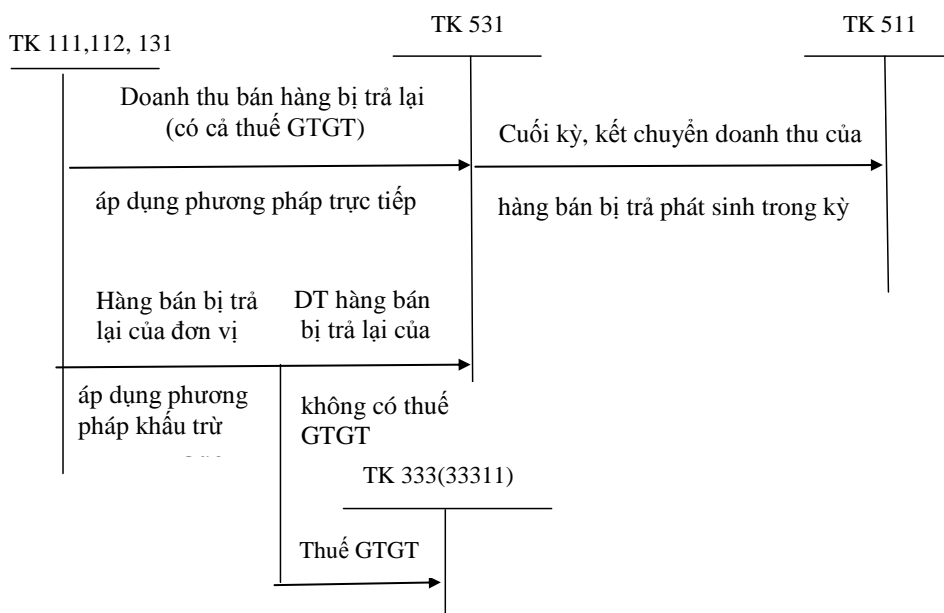
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán theo phương thức trao đổi hàng



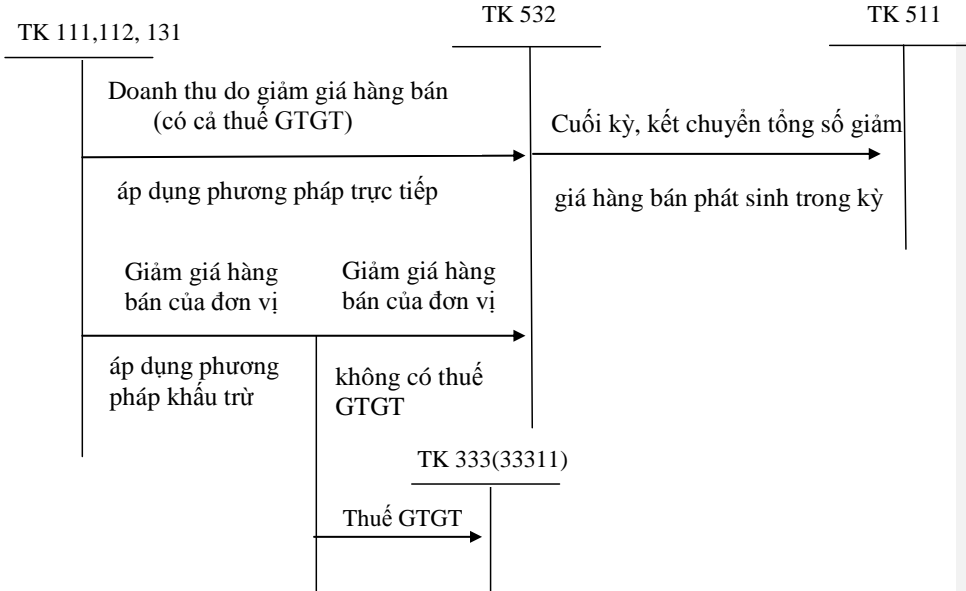
Sơ đồ 1.7: Hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.8: Hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.9: Hạch toán giảm giá hàng bán



**1.4.1.4 Tổ chức doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

**Tài khoản sử dụng:**

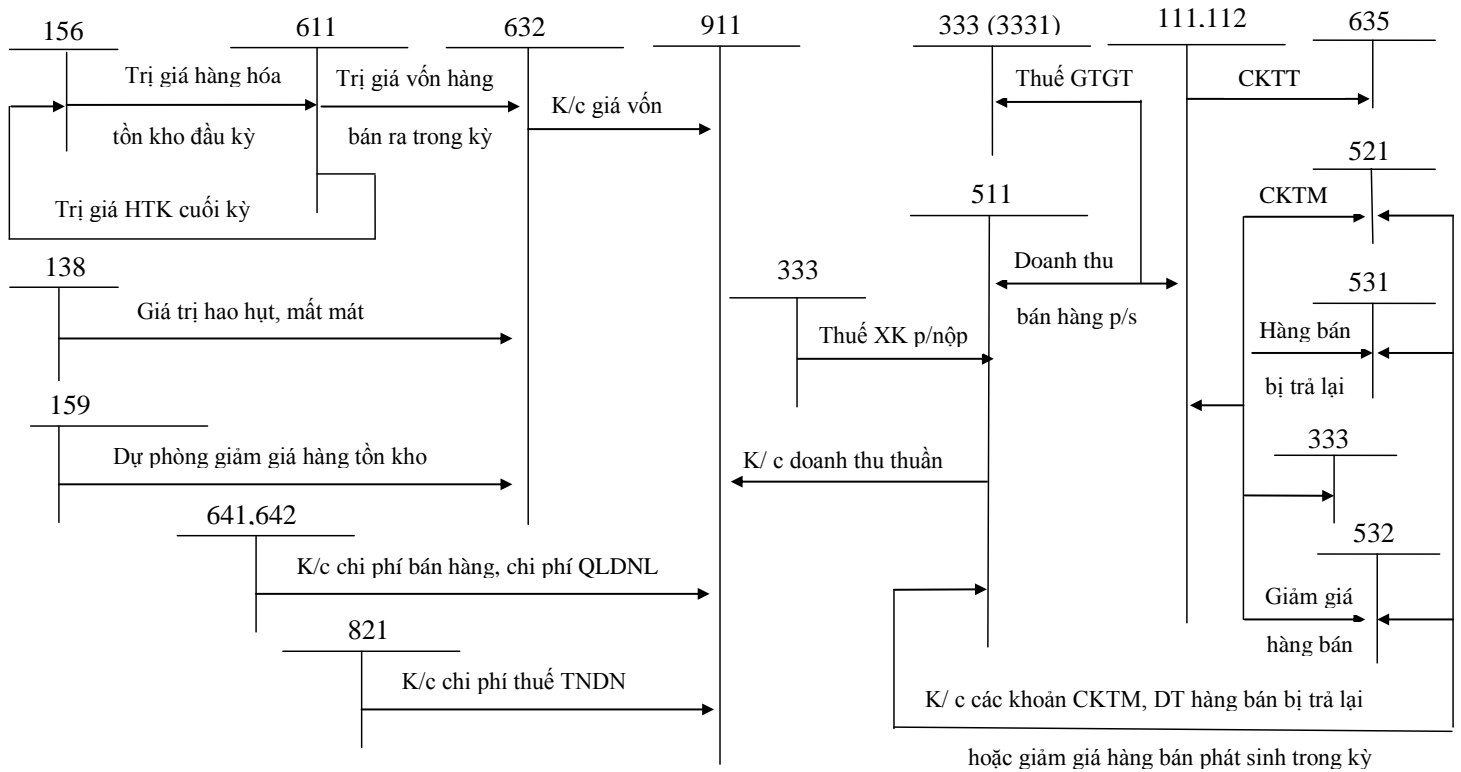
Ngoài những tài khoản mà doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm tài khoản:

TK 611: Mua hàng

TK 631: Giá thành sản xuất

**Sơ đồ 1.10 Hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**

(Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng phương pháp khấu trừ)



**1.4.1.5 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp**

***Chi phí bán hàng :***

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm , hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Chi phí bán hàng bao gồm : chi phí nhân viên bán hàng , chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng , chi phí khấu hao tài sản cố định , chi phí bảo hành sản phẩm , chi phí dịch vụ mua ngoài , chi phí bằng tiền khác

***Chi phí quản lý doanh nghiệp :***

Chi phí quản lý doanh nghiệp : là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý của doanh nghiệp , quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn bộ công ty

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm : Chi phí nhân viên quản lý , chi phí đồ dùng văn phòng , chi phí khấu hao tài sản cố định , thuế phí , lệ phí , chi phí dự phòng , chi phí dịch vụ mua ngoài , chi phí bằng tiền khác.

***✚ Chứng từ sử dụng***

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi , giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Các chứng từ liên khác có liên quan

***✚ Tài khoản sử dụng***

**❖ TK 641 : Chi phí bán hàng**

Tài khoản 641 gồm 07 TK cấp 2 :

- + TK 6411 – Chi phí nhân viên
- + TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413 – Chi phí dụng cụ , đồ dùng
- + TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6415 – Chi phí bảo hành

+ TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

**Kết cấu tài khoản**

✓ **Bên nợ :**

- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ

✓ **Bên có :**

- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng ( nếu có )

- Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết

quả kinh doanh

**Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ**

❖ **TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Tài khoản 642 bao gồm 8 tài khoản cấp 2 sau :

+ TK 6421\_ Chi phí nhân viên quản lý

+ TK6422 \_ Chi phí vật liệu quản lý

+ TK6423\_ Chi phí đồ dùng văn phòng

+ TK6424\_ Chi phí khấu hao tài sản cố định

+ TK6425\_ Thuế , phí lệ phí

+ TK6427\_ Chi phí dịch vụ mua ngoài

+ TK6428\_ Chi phí bằng tiền khác

**Kết cấu tài khoản**

✓ **Bên Nợ:**

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ

✓ **Bên Có**

+ Các khoản được phép chi giảm chi phí quản lý ( nếu có)

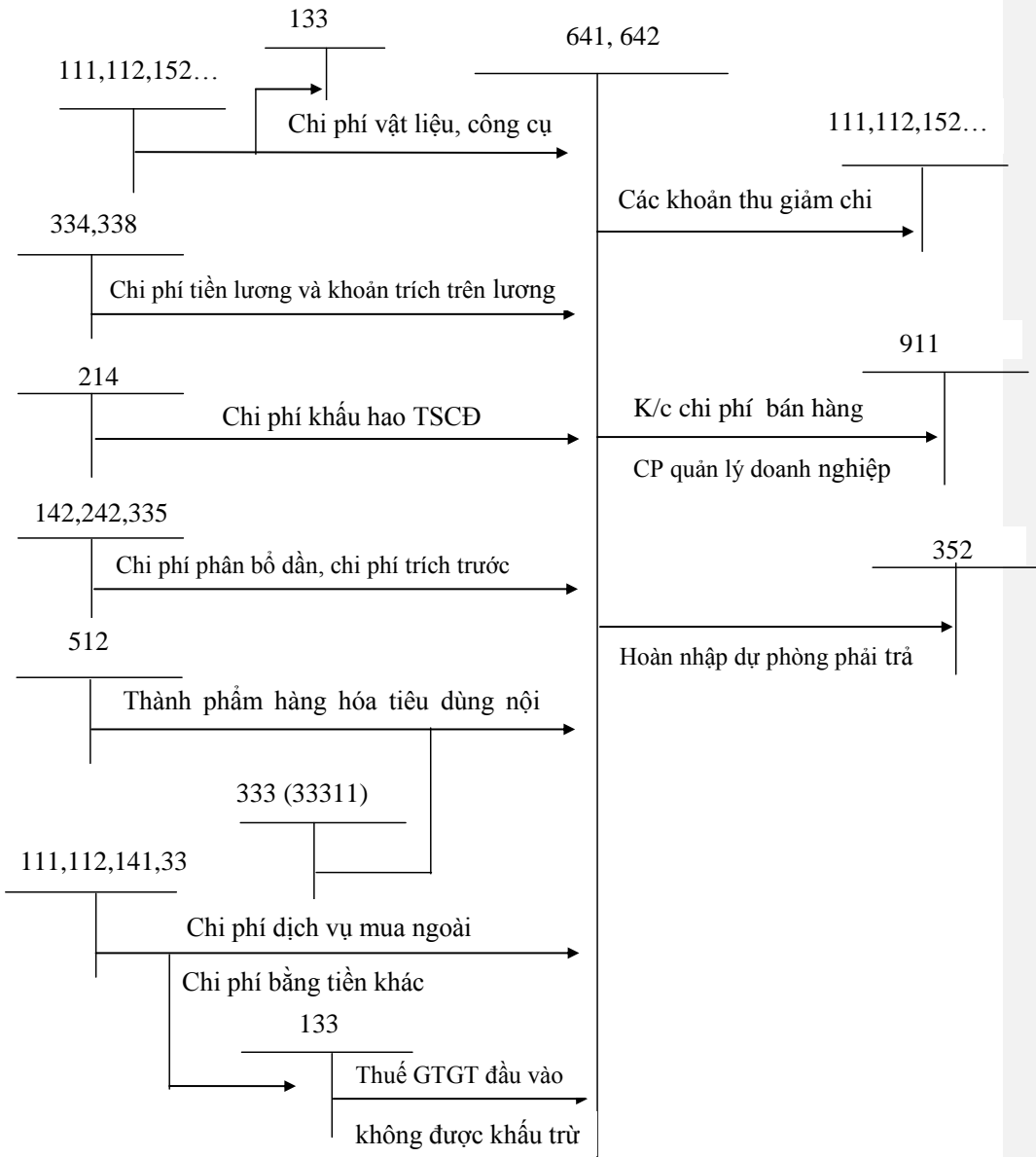
+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang bên Nợ TK911 \_ Xác định

kết quả kinh doanh

**Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ**

✚ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.11: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



### 1.4.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp

#### **Doanh thu hoạt động tài chính:**

Là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm* : Tiền lãi , thu nhập từ cho thuê tài sản , cho người khác sử dụng tài sản ( bằng sáng chế , nhãn hiệu thương mại , bản quyền tác giả , phần mềm vi tính ...), cổ tức , lợi nhuận được chia thu nhập từ hoạt động đầu tư mua , bán chứng khoán ngắn hạn , dài hạn , thu nhập chuyển nhượng , cho thuê cơ sở hạ tầng , thu nhập về các khoản đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ , tài khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ , chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn ...

#### **Chi phí tài chính:**

Là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn , hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán , chi phí lãi vay , vốn kinh doanh các khoản dài hạn hoặc ngắn hạn , chi phí hoạt động liên doanh , chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn , chi phí về mua bán ngoại tệ , chi phí cho thuê tài sản cơ sở hạ tầng , chi phí đầu tư tài chính khác

#### **✚ Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu , phiếu chi
- Giấy báo nợ , giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **✚ Tài khoản sử dụng**

#### **❖ Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính”**

##### **✓ Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – Xác định

kết quả kinh doanh

##### **✓ Bên Có:**



- Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỉ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của các hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào các hoạt động doanh thu tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

***Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ***

**❖ Tài khoản 635 – “Chi phí tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính

**✓ Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí hoạt động tài chính
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong thực tế

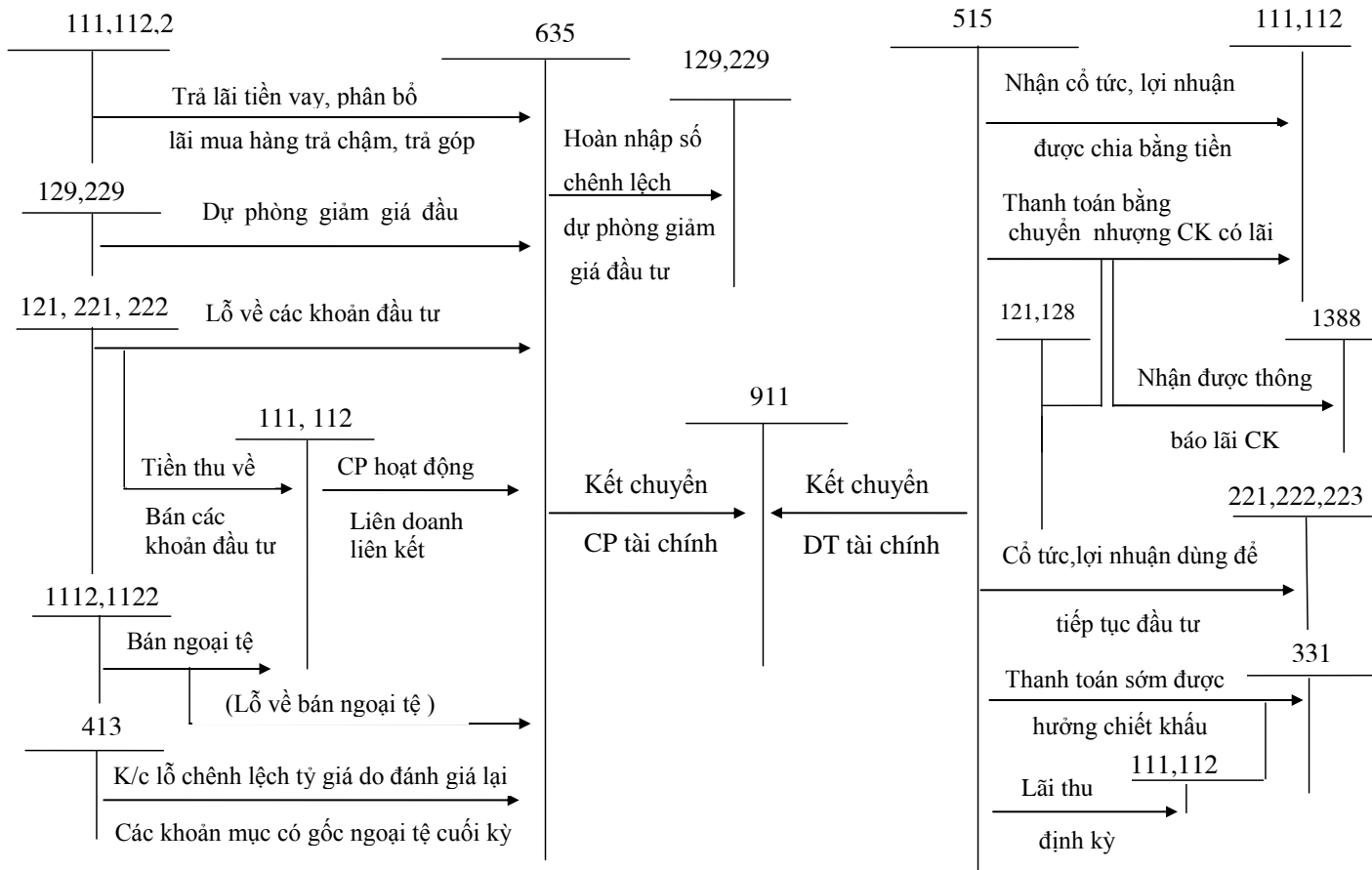
**✓ Bên Có :**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
- Cuối kỳ , kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh

***Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ***

**✚ Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.12.: Hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



### 1.4.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động khác trong doanh nghiệp

#### **Thu nhập khác:**

Là khoản tiền thu được góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ những hoạt động ngoài các hoạt tạo ra doanh thu như thu từ thanh lý bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã sử lý, xoá sổ. Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ. Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá sản phẩm dịch vụ không tính vào doanh thu (nếu có). Thu từ quà biếu quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp. Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ sách kế toán, năm nay mới phát hiện ra ...

#### **Chi phí khác:**

Chi phí khác bao gồm các khoản ngoài chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ.
- Các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng.
- Những khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, các khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

#### **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **Tài khoản sử dụng :**

#### **❖ TK 711 - “Thu nhập khác”**

#### **Bên Nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911
- Xác định kết quả kinh doanh

**Bên Có:**

-Phản ánh toàn bộ các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

**TK 711 không có số dư cuối kỳ**

❖ **TK 811 – “Chi phí khác”**

**Bên Nợ:**

-Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

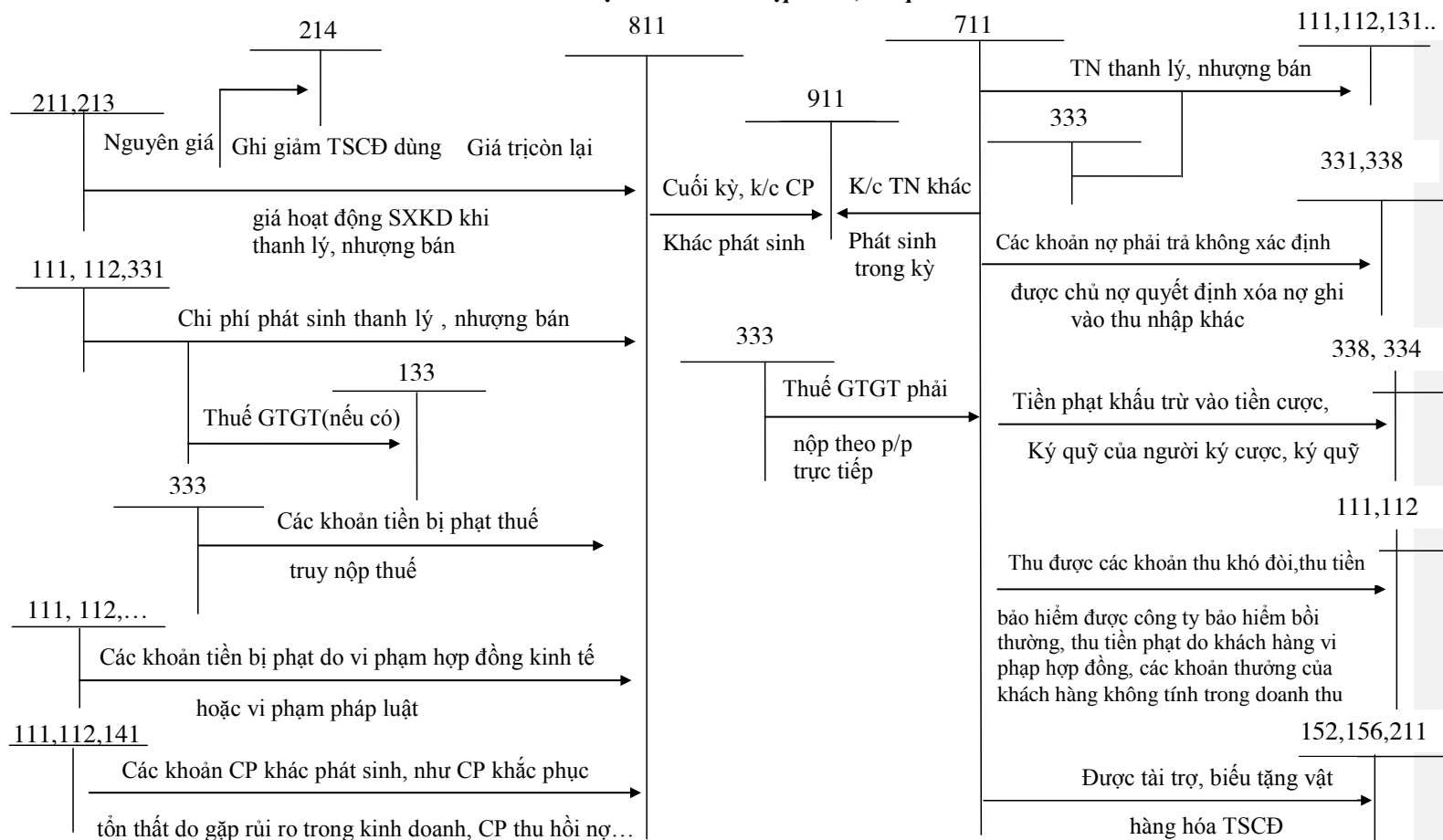
**Bên Có:**

-Cuối kỳ, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí khác sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

**TK 811 không có số dư cuối kỳ**

✚ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



#### 1.4.4. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lỗ hay lãi từ hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

**✚ Chứng từ sử dụng:**

-Phiếu kế toán kết chuyển

**✚ Tài khoản sử dụng:**

**❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

TK này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

**Bên Nợ:**

-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán được của doanh nghiệp

-Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

-Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản chi phí khác

-Kết chuyển lãi

**Bên Có:**

-Doanh thu thuần về số lượng sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

-Doanh thu hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

-Kết chuyển lỗ

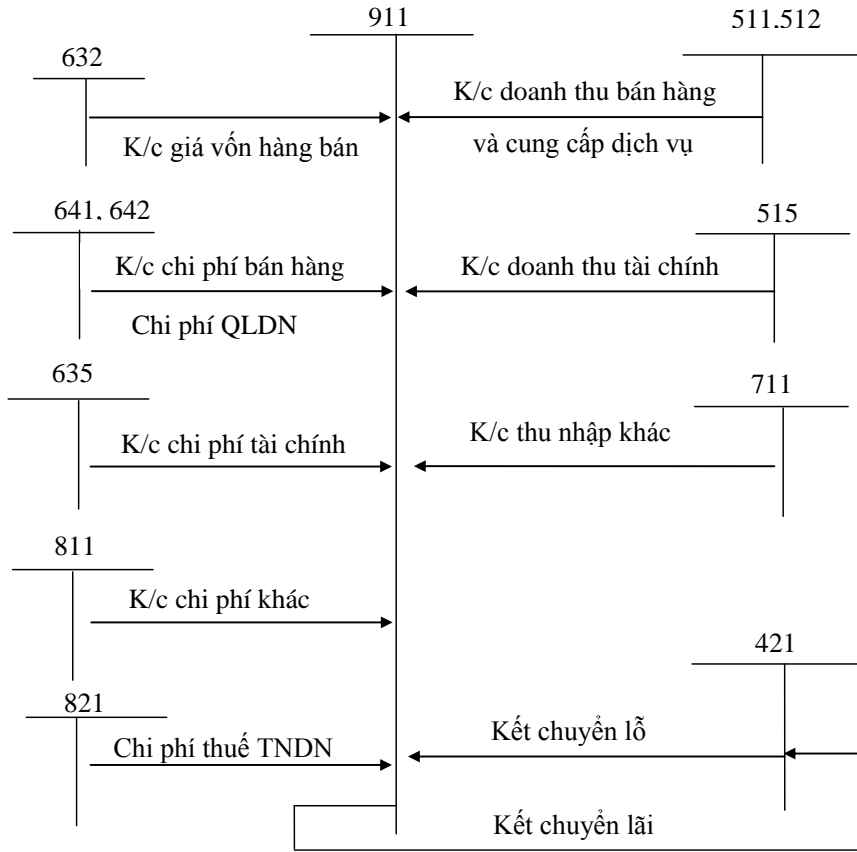
-Tập hợp tất cả các số liệu phát sinh của TK 911

**TK 911 không có số dư cuối kỳ**

**✚ Sơ đồ hạch toán:**

Hạch toán TK 911 thông qua sơ đồ hạch toán sau:

Sơ đồ 1.14: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



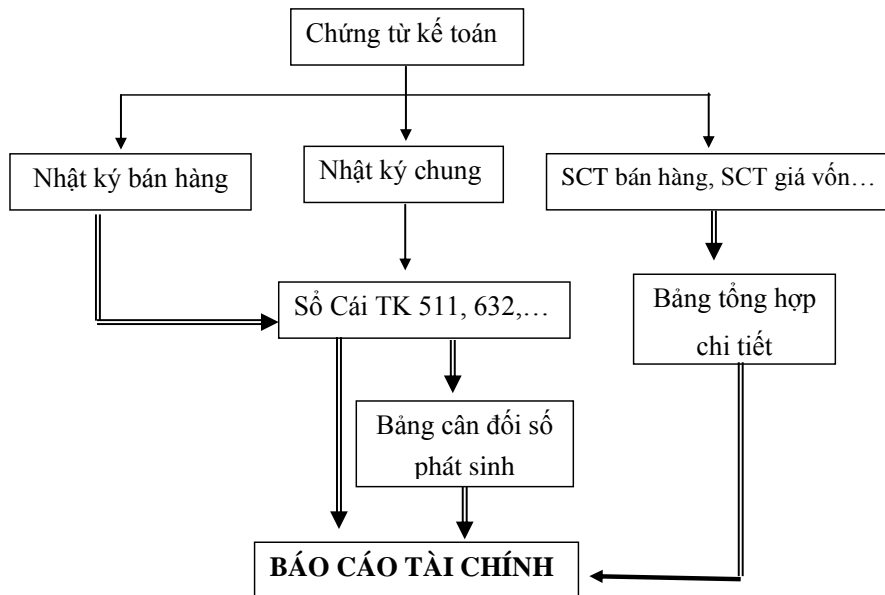
**1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ tài chính các doanh nghiệp được áp dụng một trong các hình thức kế toán sau :

- Hình thức kế toán nhật ký chung.
- Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ.
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái.
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

**❖ Hình thức kế toán nhật ký chung**

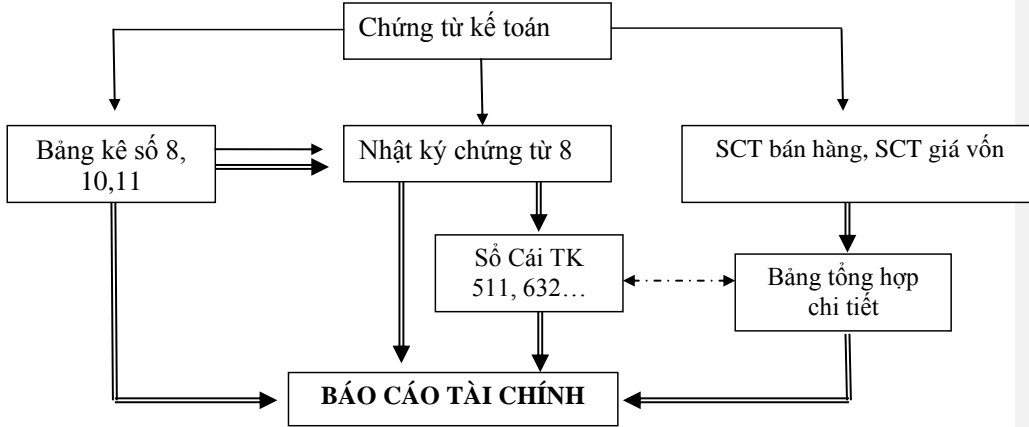
*Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung*



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày  
 =====> Ghi cuối tháng  
 <...> Đối chiếu

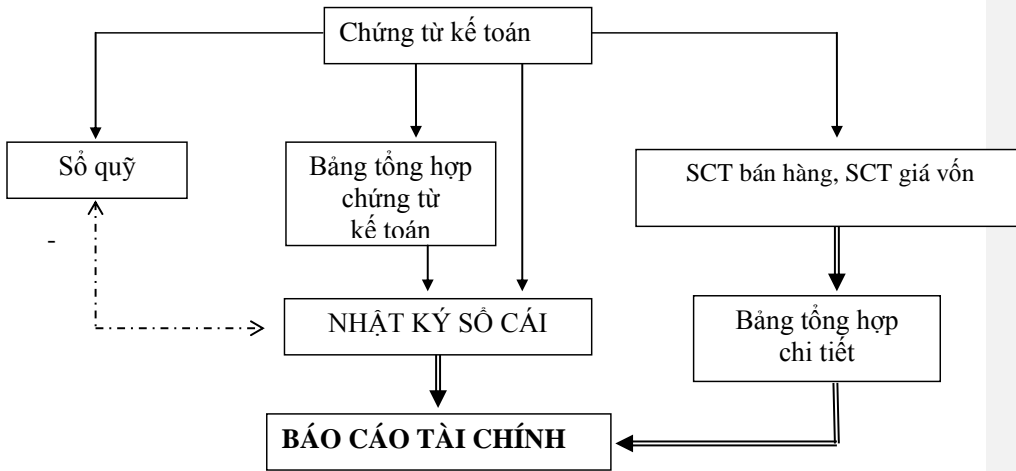


❖ Hình thức Nhật ký chứng từ



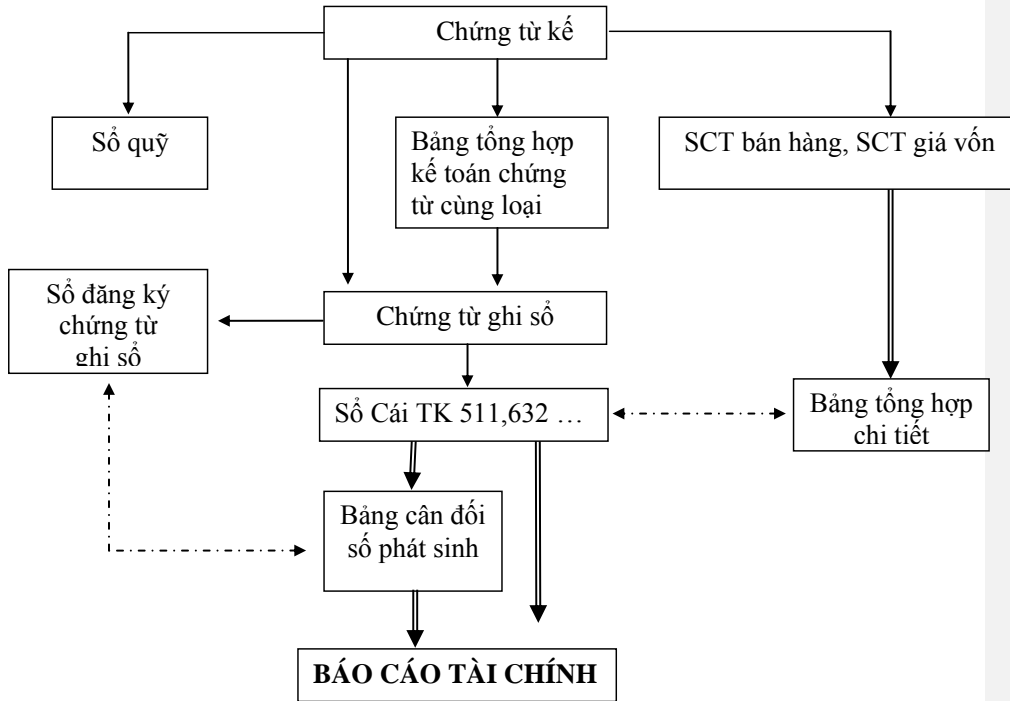
Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày  
 ==> Ghi cuối tháng  
 <----> Đối chiếu

❖ Hình thức Nhật ký sổ cái

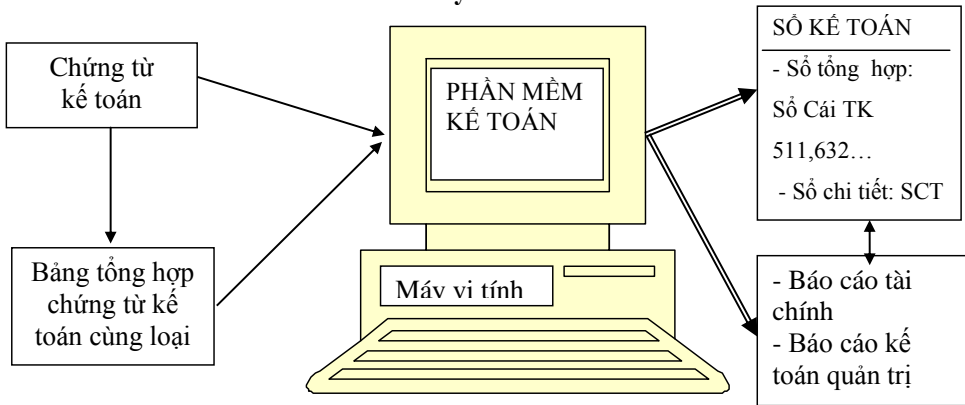


Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày  
 ==> Ghi cuối tháng  
 <----> Đối chiếu

❖ Hình thức chứng từ ghi sổ



❖ Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:   
 → Ghi hàng ngày   
 ==> Ghi cuối tháng   
 <---> Đối chiếu

**CHƯƠNG 2:**

**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ  
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG NHÀ MÁY  
ĐẤT ĐÈN VÀ HÓA CHẤT TRÀNG KÊNH**

**2.1 Giới thiệu Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Tràng Kênh**

**2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Nhà máy**

Nhà máy Đất Đèn và hoá chất Tràng Kênh là thành viên của Công ty TNHH MTV Hơi Kỹ nghệ Que Hàn (SOVIAZ). Là một trong những doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Hoá chất Việt Nam.

- Tên giao dịch: **TRACO**
- Giám đốc: **Trịnh Anh Tuấn**
- Địa chỉ: **Thị trấn Minh Đức - Huyện Thủy Nguyên –TP HP**
- Điện thoại: **(031)3675001 – (031)3661236**
- Fax : **(031)3875494**
- Email: [trangkenh@yahoo.com.vn](mailto:trangkenh@yahoo.com.vn)
- Website : [www.sovigaztrangkenh.com](http://www.sovigaztrangkenh.com)

Ngày 23 tháng 7 năm 1968 Nhà máy Đất đèn Tràng Kênh Hải Phòng (Nay là Nhà máy Đất đèn và hoá chất Tràng Kênh ) đã được thành lập theo Quyết định số 736 – QĐ – KB2 của Bộ Công nghiệp nặng do Bộ trưởng Nguyễn Hữu Mai ký.

Trong thập kỷ 70, nhà máy đã được củng cố về mọi mặt, sản xuất đất đèn đã có năng suất và chất lượng tốt, phát huy được hiệu quả. Nhà máy đã lập phương án và xây dựng lò đất đèn số 2 với công suất 1200T/năm và lò số 3 với công suất 3500T/năm nên đã nâng sản lượng lên từ 8000 đến 10000T/năm. Với những kết quả đạt được cùng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn thể nhà máy đã vươn lên trở thành một cơ sở có quy mô lớn và hoàn chỉnh.

Từ cuối thập kỷ 80 đến đầu thập kỷ 90, Nhà nước chuyển nền kinh tế từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường, Nhà máy đã gặp phải rất nhiều khó khăn bờ ngõ ban đầu nhưng qua tìm hiểu những biện pháp để ổn định và tổ chức lại sản xuất nhà máy đã làm ăn có lãi ngay từ những năm đầu tiên (năm 1991) thực hiện

cơ chế thị trường, chất lượng sản phẩm đạt tỷ lệ loại A khá cao đạt mức 85%, chi phí sản xuất giảm từ 10-20%. Thu nhập bình quân của công nhân từ 500 đến 700 ngàn đồng/tháng. Tháng 10 năm 1993, Bộ Công nghiệp nặng quyết định đổi tên Nhà máy Đất đèn Tràng Kênh thành Công ty Đất đèn và hoá chất Tràng Kênh. Bước sang thế kỷ 21, để thực hiện chủ trương của Đảng & nhà nước và để đa dạng hoá sản phẩm cạnh tranh với các thị trường trong nước và nước ngoài như Trung Quốc, Singapore. Công ty đã lắp đặt và xây dựng các dây chuyền công nghệ hiện đại sản xuất các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường hiện nay. Công ty đã khởi công “xây lắp dây chuyền sản xuất bột nhẹ cao cấp 6600 tấn/năm” vào năm 2000 với sản phẩm đạt tiêu chuẩn CNS của Đài Loan và JISK của Nhật Bản, năm 2003 Công ty lắp đặt thiết bị sản xuất bột  $\text{CaCO}_3$  tráng phủ công suất 270 tấn/tháng và dây chuyền sản xuất hạt TRACAL.

Đến tháng 10 năm 2005, công ty đã sáp nhập vào Công ty TNHH 1 thành viên Hơi kỹ nghệ Que hàn và lấy tên là Nhà máy Đất Đèn & Hoá Chất Tràng Kênh. Đến nay, Nhà máy vẫn tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm có thể mạnh như đất đèn, hạt Tracal, bột tằm, bột nhẹ cao cấp, bột tráng phủ... Với 170 người lao động trong đó có 11 kỹ sư chuyên viên trình độ đại học, cao đẳng và 56 cán bộ quản lý chuyên nghiệp tận tụy, 114 công nhân lành nghề, đơn vị đã dành được rất nhiều bằng khen, giải thưởng của Tổng công ty

### **2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh**

Nhà máy Đất đèn và hoá chất Tràng Kênh là một doanh nghiệp luôn khẳng định chất lượng uy tín và an toàn, nhà máy sản xuất các sản phẩm nhằm phục vụ cho các ngành công nghiệp nặng như: bột nhẹ cao cấp, bột tằm, đất đèn, muối Acetylen và khí Acetylen... Mỗi một sản phẩm đều có công dụng và có quy trình sản xuất khác nhau.

Nhà máy chuyên sản xuất :

- Đất đèn ( $\text{CaC}_2$ ): được sản xuất từ đá vôi và than.

Năng lực sản xuất: 4.000/ tấn năm

Ứng dụng: Dùng cho các ngành công nghiệp sản xuất các hoá chất cơ bản,

công nghệ hàn cắt kim loại

- Khí C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>: Là sản phẩm khí sau khi thủy phân đất đèn dạng cục được sản xuất tại dây chuyền khép kín.

Ứng dụng: Được sử dụng trong công nghiệp để hàn cắt kim loại

- Bột nhẹ cao cấp(CaCO<sub>3</sub>) được sản xuất từ dây chuyền nhập của Đài Loan do Nhà máy Đất đèn & Hoá chất Trảng Kênh làm chủ đầu tư là canxi cacbonnat nhẹ, dạng lắng.

Năng lực sản xuất: 10.000/tấn năm

Ứng dụng: Dùng cho sản xuất các sản phẩm: Sơn nước,cao su, gôm, sứ,tráng phủ giấy, nhựa, màng mỏng, kem đánh răng, xà phòng..

-Bột tằm: được sản xuất từ bột Can xi cac bon nat (CaCO<sub>3</sub>) và một số hoá chất khác.

Năng lực sản xuất: 10.000/tấn năm

Ứng dụng: Dùng cho sản xuất các sản phẩm: nhựa , sơn, cao su.....

- Hạt TRACAL còn gọi là chất biến tính được sản xuất từ hạt nhựa PP và một số chất tham gia khác như :Chất bôi trơn, kết dính...

Thành phần :CaCO<sub>3</sub> siêu mịn, PP,HDPE, Acid stearic và các hoá chất phụ gia khác...

Màu sắc: Trắng đục

Hạt hình trụ tròn, kích thước: 2÷3 mm

Tỷ trọng chất đống(g/cc): 0,9 ± 0,05

Ứng dụng:

Các sản phẩm đi từ HDPE,LDPE: túi xốp. túi HD

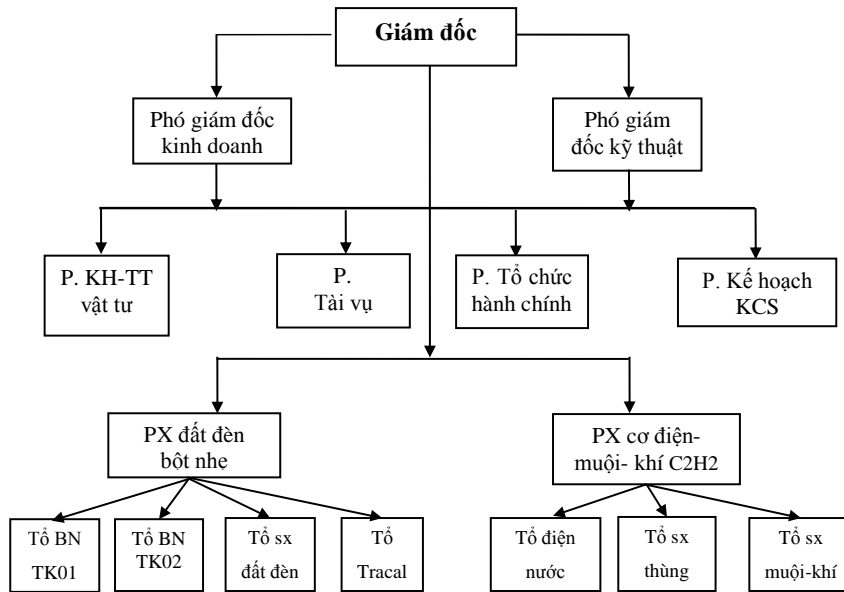
Bao bì PP, bao bì xi măng...

Các dụng cụ bằng nhựa cao cấp.....

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Trảng Kênh

Bộ máy quản lý của Nhà máy được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng

Hình 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy tổ chức quản lý của Nhà máy.



- **Giám đốc công ty:** Là người đại diện pháp nhân duy nhất của công ty, quản lý chung mọi hoạt động kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả hoạt động của Công ty

- **Phó giám đốc kinh doanh :** Là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công. Phó Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm quản lý và giao nhiệm vụ cho phòng Kế hoạch thị trường - Vật tư và phòng Tài vụ. Trong từng thời kỳ có thể được Giám đốc ủy nhiệm trực tiếp quyết định một số vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc.

- **Phó giám đốc kỹ thuật:** Là người giúp việc cho Giám đốc, được ủy quyền chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan đến kỹ thuật, quản lý và giám sát quy trình kỹ thuật và chất lượng sản phẩm của Nhà máy

**Các phòng ban:**

**Phòng kế hoạch thị trường - Vật tư:** Phòng kế hoạch thị trường - vật tư có nhiệm vụ tìm hiểu, tiếp cận thị trường, chịu trách nhiệm cung ứng vật tư. tham gia ký kết các hợp đồng kinh tế. Lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm sao cho phù hợp và hiệu quả.

**Phòng tài vụ:** Xây dựng kế hoạch tài chính của Nhà máy. Quản lý sử dụng bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Tổ chức công tác tổ chức và hạch toán sản xuất kinh doanh tại Nhà máy. Thực hiện công tác thanh quyết toán tài chính.

**Phòng tổ chức hành chính:** Thực hiện công tác hành chính văn phòng và phục vụ Nhà máy. Công tác lưu chuyển và bảo mật công văn, văn thư. Tổ chức quản lý tình hình nhân sự và các vấn đề liên quan đời sống của cán bộ công nhân viên Nhà máy.

**Phòng kế hoạch KCS:** Phòng KCS quản lý và giám sát quy trình kỹ thuật, quá trình vận hành của máy móc và đưa ra những sáng kiến nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm

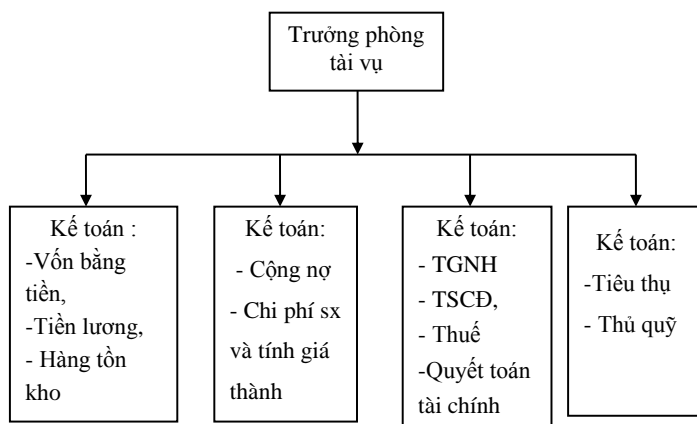
**Các phân xưởng:**

Là nơi trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm.

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Nhà máy.**

**2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Nhà máy.**

**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Nhà máy.**



Nhà máy Đát đèn và hoá chất Trảng Kênh đã xây dựng bộ máy kế toán theo mô hình tập trung với tên gọi là phòng Tài vụ. Phòng Tài vụ phải thực hiện công tác kế toán từ thu nhận, ghi sổ và xử lý các thông tin trên hệ thống báo cáo của đơn vị và trưởng phòng tài vụ là người trực tiếp điều hành và quản lý công tác kế toán trên cơ sở phân công công việc cho các nhân viên kế toán. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất của Trưởng phòng Tài vụ cũng như sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo công ty đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Dựa vào đặc điểm quy mô sản xuất, đặc điểm quản lý nhà máy cũng như mức độ chuyên môn hoá và trình độ cán bộ kế toán, phòng Tài vụ Nhà máy được phân công theo yêu cầu quản lý của Nhà máy:

+ Trưởng phòng tài vụ :

Là người phụ trách chung có nhiệm vụ đôn đốc kiểm tra giám sát việc thực hiện các công việc kế toán, tài sản tiền vốn của nhà máy đồng thời có nhiệm vụ tổng hợp hết số liệu được phản ánh từ các nghiệp vụ của các kế toán chi tiết lên bảng cân đối tài khoản, sổ tổng hợp và các báo tài chính và chức năng quan trọng nhất là tham mưu cho giám đốc, giúp giám đốc đưa ra những quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong đơn vị.

+ Kế toán TSCĐ theo dõi sự biến động tăng giảm của tài sản cố định, tiến hành trích và phân bổ khấu hao cho các đối tượng sử dụng. Đồng thời kiểm kế toán TGNH \_ quản lý các loại vốn ngân hàng, phụ trách việc vay trả ngân hàng.

+ Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương: Tính toán lương cho cán bộ công nhân trong toàn nhà máy và các khoản trích bảo hiểm, tổng hợp lương ,lập bảng phân bổ tiền lương. Đồng thời kiểm kế toán vật tư\_theo dõi lập báo cáo nhập xuất tồn kho cho toàn nhà máy, lập bảng phân bổ vật liệu.

+ Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành: tập hợp đầy đủ mọi chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất phân bổ chi phí tính toán giá thành sản phẩm lao vụ đã hoàn thành và lập báo cáo chi phí sản xuất( bao gồm cả nhiệm vụ kế toán công nợ phải thu và công nợ phải trả)

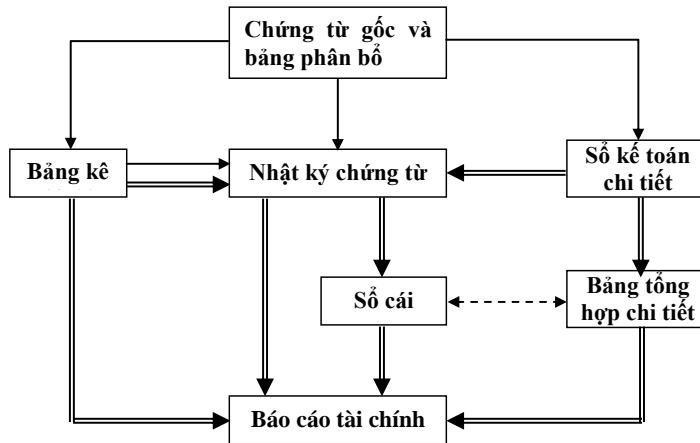
+ Kế toán tiêu thụ : Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho sản phẩm tính toán kết quả hoạt động kinh doanh của nhà máy. Và là thủ quỹ\_có nhiệm vụ thu chi tiền, quản lý kết bạc của nhà máy, lập báo cáo thu, chi, nhật ký và bảng kê liên quan.



**2.1.4.2. Hình thức kế toán và phương pháp kế toán áp dụng tại Nhà máy**

Hình thức kế toán Nhà máy áp dụng là hình thức Nhật ký – chứng từ

**Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký- chứng từ**



- Ghi chú :
- > Ghi hàng ngày
  - ←-----> Đối chiếu
  - =====> Ghi cuối kỳ

+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - chứng từ hoặc bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký – chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký – chứng từ được ghi căn cứ vào bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – chứng từ.

+ Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - chứng từ, kiểm tra đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - chứng từ với các sổ các thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái. Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chi tiêu chi tiết trong Nhật ký – chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

## 2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Nhà máy Đất đèn & Hoá chất Tràng Kênh

### 2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh

#### 2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại Nhà máy Đất đèn và Hóa Chất Tràng Kênh

##### ❖ Đặc điểm kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Nhà máy

Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh ghi nhận doanh thu theo nguyên tắc qui định trong chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

**Hình thức bán hàng:** Bán theo phương thức trực tiếp

##### • Hình thức thanh toán:

- Hình thức trả tiền ngay:

Trả bằng tiền mặt hoặc séc chuyển khoản...Hình thức này áp dụng với mọi khách hàng để đảm bảo thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động sản xuất, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

- Hình thức bán chịu: Được áp dụng cho những khách hàng lớn, có khả năng tài chính, khách hàng truyền thống.

##### ❖ Đặc điểm kế toán giá vốn hàng bán tại Nhà máy

Tại Nhà máy Đất đèn và Hoá Chất Tràng Kênh hàng xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.Cuối kỳ,kế toán tiến hành xác định đơn giá bình quân theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

##### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán hàng hoá , Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu xuất kho ...

Formatted: Indent: First line: 0.49", Right: 0", No bullets or numbering, No widow/orphan control

❖ **Tài khoản sử dụng**

**TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Nhà máy mở tài khoản cấp 2:

+ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

*Trong đó* TK 5112 được Nhà máy mở chi tiết cho từng thành phẩm

- TK 5112 - Đất đèn: Doanh thu bán đất đèn

- TK 5112 - Muối: Doanh thu bán muối

- TK 5112 - Khí: Doanh thu bán khí

- TK 5112 - TK01 - Doanh thu bán TK 01

- TK 5112 - TK02: Doanh thu bán TK 02

- TK 5113 - Tracal : Doanh thu bán Tracal

**TK 632 – Giá vốn hàng bán**

- TK 632 - Đất đèn: Giá vốn đất đèn

-TK 632 - Muối: Giá vốn muối

-TK 632 - Khí: Giá vốn khí

-TK 632 - TK01: Giá vốn TK 01

-TK 632 - TK02: Giá vốn TK 02

-TK 632 - Tracal : Giá vốn Tracal

❖ **Sổ sách sử dụng:**

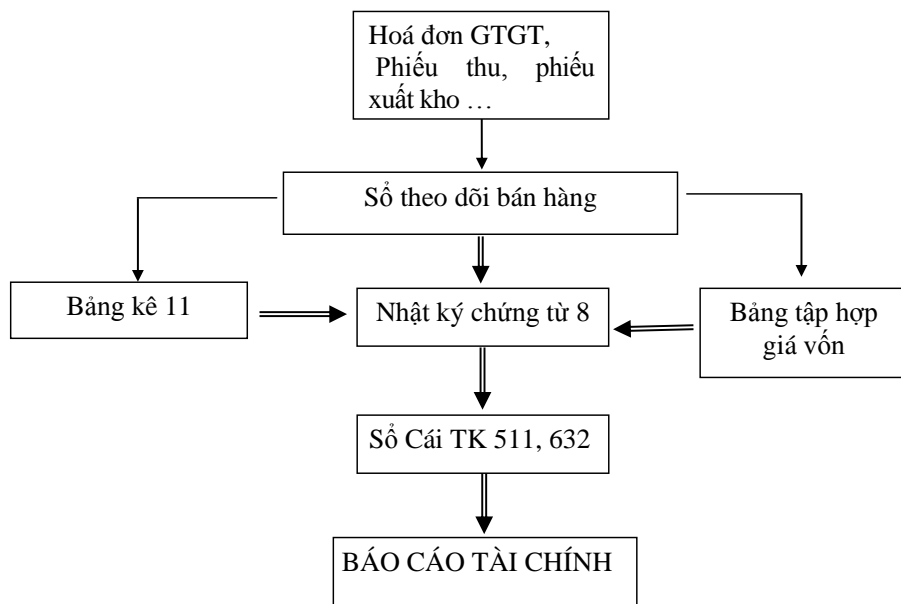
- Sổ theo dõi bán hàng

-Bảng kê số 11

-Nhật ký chứng từ số 8

-Sổ Cái TK 511, 632

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán



Ghi chú :      → Ghi hàng ngày  
                 ⇨ Ghi cuối tháng

**Ví dụ minh họa**

***Ví dụ 1:***

Ngày 02 tháng 12 năm 2009 Bán 14 tấn CaCO<sub>3</sub> – TK 01 cho Công ty TNHH ICI Việt Nam với tổng giá thanh toán là 47.418.000 đồng, thuế GTGT 5%. Công ty TNHH ICI Việt Nam chưa thanh toán.

Ngày 06 tháng 12 năm 2009 Bán 6 tấn Đất đèn cho Xí nghiệp Tập thể Cổ phần Hoài Bắc – Bắc Ninh với tổng giá thanh toán là 51.660.000 đồng, thuế GTGT 5%. Xí nghiệp Cổ phần Hoài Bắc thanh toán bằng chuyển khoản.

- Kế toán lập Hóa đơn GTGT số 86017 (**Biểu 2.1**), Hoá đơn GTGT số 86034 (**Biểu 2.2**)

- Lập phiếu xuất kho số 291 (**Biểu 2.3**) phiếu xuất số 357 (**Biểu 2.4**)

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho kế toán vào sổ theo dõi bán hàng (**Biểu 2.5**)

- Cuối tháng theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ kế toán tính giá xuất kho.

Kế toán lấy số liệu trên Sổ theo dõi bán hàng để lập Bảng tập hợp giá vốn hàng bán (**Biểu số 2.6**).Số liệu tổng cộng đưa vào Nhật ký - chứng từ số 8 (**Biểu 2.7**). Căn cứ số liệu trên Nhật ký - chứng từ số 8 vào Sổ Cái TK 511 (**Biểu 2.8**) Sổ Cái TK 632 (**Biểu 2.9**)

**Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0086017**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>KD/2009B</b>			
Liên 3: Nội bộ		<b>0086017</b>			
Ngày 02 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : ...		Nhà máy Đất Đền & Hoá Chất Tràng Kênh ...			
Địa chỉ : .....		Minh Đức - Thủy Nguyên -HP			
Số tài khoản: .....		MST: 0300422482 - 009			
Điện thoại: ..... MS : .....					
Họ tên người mua hàng					
Tên đơn vị: Công ty TNHH ICI Việt Nam					
Địa chỉ : Lô E1 – CN, Khu CN Mỹ Phước 2 – Bình Dương					
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MS:					
TT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	CaCO3 – TK 01	Tấn	14	3.225.715	45.160.000
Cộng tiền hàng:					45.160.000
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:		2.258.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					47.418.000
Số tiền viết bằng chữ: Bốn mươi bảy triệu, bốn trăm mười tám ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

**Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 0086034**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số:01GTKT3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		<b>KD/2009B</b>			
Liên 3: Nội bộ		<b>0086034</b>			
Ngày 06 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng : .....					
Địa chỉ : .....					
Số tài khoản: .....					
Điện thoại: .....					
Nhà máy Đất đèn & Hoá chất Tràng Kênh Minh Đức - Thủy Nguyên -HP MST: 0300422482 - 009					
Họ tên người mua hàng					
Tên đơn vị: Xí nghiệp tập thể Cổ phần Hoài Bắc					
Địa chỉ : Khu Võ Cường - Bắc Ninh					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MS:					
TT	Tên hàng hoá,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
	Đất Đèn	Tấn	6	8.200.000	49.200.000
Cộng tiền hàng:					49.200.000
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:		2.460.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					51.660.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

**Biểu 2.3: Phiếu xuất kho**

Đơn vị: **PHIẾU XUẤT KHO** Số 291 Mẫu số 02-VT  
Địa chỉ: Ngày 02 tháng 12 năm 2009 NỢ: 632 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
CÓ: 155 Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ tên người nhận hàng : Anh Trung

Địa chỉ (bộ phận): Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho (ngăn lô). Bột nhẹ

TT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	CaCO <sub>3</sub> –TK01		Tấn	14			
	Cộng:						

Cộng thành tiền :

K.T trưởng Thủ kho Người nhận P.T cung tiêu Thủ trưởng đơn vị  
Đã ký Đã ký Đã ký Đã ký Đã ký



**Biểu 2.4: Phiếu xuất kho**

**PHIẾU XUẤT KHO**      Số 387      Mẫu số 02-VT  
Đơn vị:      Ngày 06 tháng 12 năm 2009      NỢ: 632      QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC  
Địa chỉ:      CỐ:155      Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

Họ tên người nhận hàng: Anh Hải

Địa chỉ (bộ phận): Phòng kinh doanh

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho (ngăn lô): Đát đèn

TT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
1	Đát đèn		Tấn	6			
	Cộng:						

Cộng thành tiền :

K.T trưởng      Thủ kho      Người nhận      P.T cung tiêu      Thủ trưởng đơn vị  
Đã ký      Đã ký      Đã ký      Đã ký      Đã ký

**Biểu 2.5: Sổ theo dõi bán hàng**

**SỔ THEO DÕI BÁN HÀNG**

Tháng 12 năm 2009

STT	Hóa đơn		Đơn vị khách hàng	Đất đèn (Tấn)	Khí C2H2 (M3)	Muội C2H2 (tấn)	Bột nhẹ (tấn)		Tracal (tấn)	Ghi chú
	Số	Ngày					TK 01	TK02		
			<b>Tháng 12/2009</b>							
1	86012	1-12	Nguyễn Thị Ninh - HP	0.2						
2	86013	1-12	Trần Tuấn - An Lão HP		140.3					HD 86016 bỏ
3	86014	1-12	Trần Tuấn - An Lão HP		8.1					
4	86015	1-12	Công ty CP toa xe HP		117					
5	86017	2-12	Công ty TNHH ICI Việt Nam				14			
6	86018	2-12	Công ty TNHH ICI Việt Nam				14			
7	86019	2-12	Công ty CP Khí CN VN	10						
			....							
22	86034	6-12	XN tập thể CP Hoài Bắc	6						
23	86035	7-12	Công ty CP Pin Xuân Hòa - VP							
24	86035		Xí nghiệp hơi kỹ nghệ Biên Hòa	30						
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
327	86339	30- 12	Cty TNHH Thế kỷ - HP	99.9						
328	86340	31-12	Cty TNHH Lâm Linh -						7	
329	86341	31-12	Công ty TNHH Song Dung - HP		203					
	<b>Tổng cộng</b>			<b>209.88</b>	<b>2410.4</b>	<b>17.3</b>	<b>284.55</b>	<b>113.4</b>	<b>78.825</b>	

(Nguồn: Trích Sổ theo dõi bán hàng (Mặt trước))

**SỔ THEO DÕI BÁN HÀNG**

Tháng 12 năm 2009

Stt	Số tiền theo hóa đơn	Ghi Có TK 5112 ghi Nợ cácTK			Nợ TK				Tổng cộng
		111	112	131	131 Ghi Có TK 5113	111 Ghi Có TK 5113	131 Ghi Có TK 5113 (V/c)	111,112, 131 Ghi Có TK 3331	
1	1701000	1620000						81000	<b>1701000</b>
2	9873200	9119500				238500		470200	<b>9873200</b>
3	552900	526500						26400	<b>552900</b>
4	8894025			7956000	514500			423525	<b>8894025</b>
5	47418000			45160000				2258000	<b>474180000</b>
6	47418000			45160000				2258000	<b>474180000</b>
7	92100000			86000000			1714290	4385710	<b>92100000</b>
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
22	51660000		49200000					246000	<b>51660000</b>
23	32550000			31000000				1550000	<b>32550000</b>
24	253245000			216900000				24285720	<b>253245000</b>
327	7321650			6493500	479500			348650	<b>7321650</b>
328	44394000			40358185				4035815	<b>44394000</b>
329	13854800			13195000				659800	<b>13854800</b>
<b>Cộng</b>	<b>3786141199</b>	<b>162784068</b>	<b>69875000</b>	<b>3238105022</b>	<b>3073000</b>	<b>4023488</b>	<b>78913854</b>	<b>226616767</b>	<b>3786141199</b>

(Nguồn: Trích Sổ theo dõi bán hàng (Mặt sau))

**Biểu 2.6: Bảng tập hợp giá vốn hàng bán**

**BẢNG TẬP HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Tháng 12 Năm 2009

TT	Tên sản phẩm	TK ĐU	Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Tri giá vốn
1	Đất đèn	155	209.88	Tấn	6.833.697	1.434.256.267
2	Muội	155	17.3	Tấn	31.709.125	548.567.862
3	Khí C <sub>2</sub> H <sub>2</sub>	155	2410.4	M <sup>3</sup>	43.632	105.171.437
4	Bột nhẹ - TK01	155	284.55	Tấn	3.020.500	859.483.275
5	Bột nhẹ - TK02	155	113.4	Tấn	2.800.758	317.605.933
6	Tracal	155	78.825	Tấn	5.520.828	435.179.267
7	<b>Tổng cộng</b>					<b>3.700.264.041</b>

Ngày ... tháng ... năm

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.7: Nhật ký chứng từ số 8**  
**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8**  
**Tháng 12 năm 2009**

TT	Ghi có TK	155	5112	5113	632	641	642	911	421	...	Tổng cộng
	Ghi Nợ TK										
1	2										
	111		162.784.068	4.023.488						...	753.607.097
	112		69.875.000	2.750.000						...	3.950.568.759
	131		3.238.05.022	81.986.854						...	4.075.316.199
	...		...	...	...			...		...	...
	511							3.559.524.432		...	3.559.524.432
	512							542.250.000		...	542.250.000
	515							4.404.900		...	4.404.900
	632	3.700.264.041								...	3.700.264.041
	635									...	900000
	911				3.700.264.041				59723029	...	4.106.179.332
		<b>4.641.003.843</b>	<b>3.470.764.090</b>	<b>887.60.342</b>	<b>3.700.264.041</b>			<b>4.106.179.332</b>	<b>59.723.029</b>	...	<b>29.041.116.951</b>

Ngày ... tháng ... năm 2009

Kế toán ghi số  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Trích Nhật ký - chứng từ số 8)

**Biểu 2.8 Sổ Cái TK 511**

**Nhà máy Đát đèn & hoá chất Tràng Kênh**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

**SỔ CÁI**

TK 511\_Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ

Năm 2009

TT	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	TK 911			3.559.524.432	48.872.911.633
1	Cộng phát sinh nợ			3.559.524.432	48.872.911.633
2	Tổng số phát sinh có			3.559.524.432	48.872.911.633
3	Số dư cuối tháng	Nợ			
		Có			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.9: Sổ Cái TK 632**

**Nhà máy Đát đèn & hoá chất Tràng Kênh**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

**SỔ CÁI**  
TK 632\_ Giá vốn hàng bán  
Năm 2009

TT	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	C ộng
	TK 155			3.700.264.041	41.066.145.818
1	Cộng phát sinh nợ			<b>3.700.264.041</b>	<b>41.066.145.818</b>
2	Tổng số phát sinh có			<b>3.700.264.041</b>	<b>41.066.145.818</b>
3	Số dư cuối tháng	Nợ			
		Có			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**2.1.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Nhà máy Đất Đền và Hóa Chất Tràng Kênh.**

Nhà máy sử dụng chiết khấu thương mại đối với những doanh nghiệp mua với khối lượng lớn, được trừ trực tiếp trên hóa đơn GTGT

Đối với những sản phẩm bị lỗi, không đúng chất lượng, khi có yêu cầu của khách hàng, Nhà máy sử dụng các biện pháp giảm giá cho số hàng đó. Hoặc nhập hàng trở lại để đổi hoặc khấu trừ hàng lại cho khách hàng.

Tuy nhiên, các khoản giảm trừ thường phát sinh không đáng kể.

*Trong tháng 12, Nhà máy không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu nên em không lấy dẫn chứng.*

**2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại nhà máy Đất Đền và Hóa chất Tràng Kênh**

***Đặc điểm kế toán chi phí bán hàng nhà máy.***

Chi phí bán hàng bao gồm: Chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí khuyến mại, chi phí bằng tiền khác.

☞ Trong đó chủ yếu là chi phí vận chuyển bốc xếp hàng hoá

***Đặc điểm kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp***

- Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: Chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng. Chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí và lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

***❖ Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan.

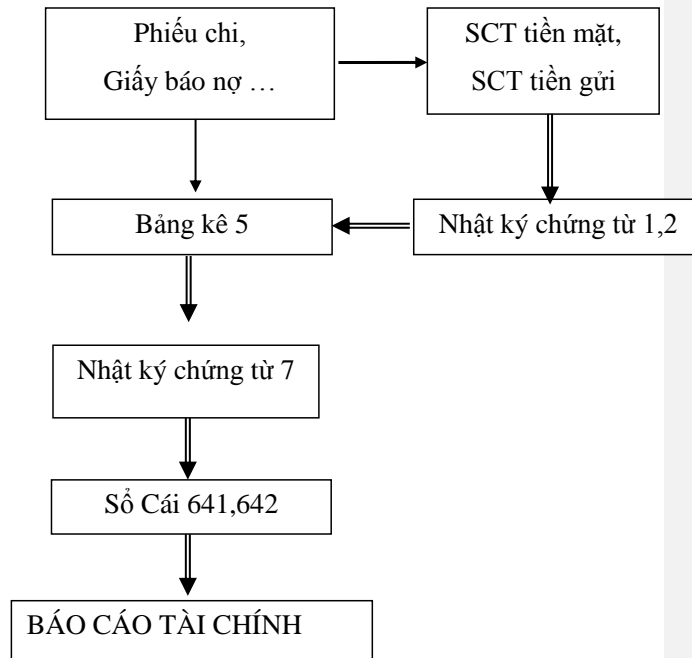
***❖ Tài khoản sử dụng***

Nhà máy sử dụng TK 641- “ Chi phí bán hàng”,

TK 642 – “Chi phí quản lý doanh nghiệp”



**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



Ghi chú:     → Ghi hàng ngày  
               ⇒ Ghi cuối tháng

**Ví dụ 3 :**

Ngày 10 tháng 12 năm 2010, chi tiền cho Đoàn Hữu Thuân – phòng Hành Chính thanh toán tiền điện thoại, số tiền 5.500.000 VND

**Ví dụ 4:**

Ngày 10 tháng 12 năm 2010, Nguyễn Thị Phương chi tiền bốc xếp hàng cho Công ty TNHH XD và dịch vụ số tiền là: 12.725.965 VND

**Biểu 2.10: Phiếu chi số 570**

Đơn vị ..... **PHIẾU CHI** Số 570 Mẫu số 02\_TT  
Địa chỉ..... Ngày 10 tháng 12 năm 2009 QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC  
Số ĐKDN..... Ngày....tháng....năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Quyển số.....

**NỢ** 642  
**CÓ** 111

Họ và tên người nhận tiền : Đoàn Hữu Thuân

Địa chỉ : Phòng Hành Chính

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại

Số tiền : **5.500.000** (viết bằng chữ : Năm triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : **5.500.000**

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người lập phiếu    Người nộp    Thủ quỹ

**Biểu 2.11: Phiếu chi**

Đơn vị ..... **PHIẾU CHI** Số 581 Mẫu số 02\_TT  
Địa chỉ..... Ngày 10 tháng 12 năm 2009 QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC  
Số ĐKDN..... Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Quyển số.....

**NỢ** 641  
**CÓ** 111

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Hải

Địa chỉ :

Lý do chi: Bốc xếp hàng Cty TNHH XD và dịch vụ Chiến Thắng

Số tiền : **12.725.965** (viết bằng chữ : Mười hai triệu, bảy trăm hai mươi năm nghìn, chín trăm sáu mươi năm ngàn đồng).

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : **12.725.965**

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người lập phiếu    Người nộp    Thủ quỹ

**Biểu 2.12: Sổ chi tiết tiền mặt**

**Nhà máy Đốt đèn & hoá chất Trảng Kênh**

**SỔ CHI TIẾT TIỀN MẶT**

Tháng 12 năm 2009

NT	Số phiếu		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Tồn
	Thu	Chi			Nợ	Có	
			Số dư đầu tháng				<b>93.178.552</b>
			Số phát sinh trong tháng				
1-12	586		Nguyễn Thị Ninh mua đất đèn	5112	1.620.000		
" "			Thuế GTGT	3331	81000		
			.....				<b>92.512.152</b>
10-12		570	Đoàn Hữu Thuận chi điện thoại	642		5.500.000	
			.....				
10-12		581	Bốc xếp hàng cho Cty TNHH XD&DV Chiến Thắng	641		12.725.965	
			...				
31- 12		624	Lưu T Vấn chi ngày 20/10	4312		5100000	<b>26.520.892</b>
			Cộng số phát sinh		753.607.097	820.264.757	
			<b>Số dư cuối tháng</b>				<b>26.520.892</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.13: Nhật ký chứng từ số 1**

**Nhà máy Đốt đèn & hoá chất Trảng Kênh**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1**

Tháng 12 năm 2009

Ngày	Ghi có TK111-Ghi nợ các TK											Cộng có TK 111
	335	642	331	627	141	635	334	641	152	2413	...	
1	750.000		11.818.500					300.000				12.868.500
2		3.885.455										3.885.455
3		18.475.889		34.936.000								53.411.889
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...		...
10	17.200.000	25.293.854	17.211.500	4.686.600		900.000	323.568.100	12.725.965	1.664.000	5.810.500		409.060.519
11	10.000.000											10.000.000
12	2.000.000	3.326.500	15.866.000		14.000.000							35.192.500
	..	..	..	..	..	..	..	..	..	...		..
31		13.443.532						13.000.000				21.776.316
	<b>71.650.000</b>	<b>74.578.295</b>	<b>61.735.408</b>	<b>55.728.300</b>	<b>19.000.000</b>	<b>900.000</b>	<b>407.192.500</b>	<b>14.325.965</b>	<b>1.664.000</b>	<b>5.810.500</b>	<b>....</b>	<b>820.264.757</b>

Ngày.. tháng 12 năm 2009

Kế toán  
Đã ký

Kế toán trưởng  
Đã ký

Giám đốc  
Đã ký

**Biểu 2.14: Bảng kê số 5**

**BẢNG KÊ SỐ 5**

**Tập hợp:** Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 Năm 2009

Stt	Các TK ghi có	152	153	331	214	351	3337	335	...	Các TK phản ánh ở các NKCT khác		CộngCP thực trong tháng
	Các TK ghi nợ									NKCT số1	NKCT số2	
	TK 641 Chi phí BH							197.818.000		14.325.965		<b>212.143.965</b>
	TK 642 Chi phí QLDN	3.222.828	368.000	557.720	25.000.000	10.000.000	10.000.0000			74.578.295	9.373.445	<b>133.148.297</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán  
Đã ký

Kế toán trưởng  
Đã ký

Giám đốc  
Đã ký

**Biểu 2.15 Nhật ký chứng từ số 7**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7**

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất, kinh doanh toàn doanh nghiệp

Ghi Có các TK: 142, 152, 153, 154, 214, 335, 351, 611, 621, 622, 623, 627...

Tháng 12 năm 2009

Stt	Các TK ghi Có		152	153	331	214	351	3337	335	621	...	Các TK phản ánh ở		Tổng cộng chi phí
	Các TK ghi Nợ											NKCT số 1	NKCT số 2	
	154				1115327818					2.175.655.210				5.173.746.333
	621	2.175.655.210												2.175.655.210
	622													432.425.100
	627	2.741.540	3.794.500		399.200.000							55.728.000		511.756.403
	641							197.818.000				14.325.965		212.143.965
	642	3.222.828	368000	557720	25.000.000	10.000.000	10.000.000					74.578.295	9.373.445	133.148.297
	.....													.....
	<b>Cộng</b>	<b>2181619578</b>	<b>4.162.500</b>	<b>1115885538</b>	<b>424200000</b>	<b>10000000</b>	<b>10000000</b>	<b>187818000</b>	<b>2175655210</b>					<b>26.960.000.000</b>

Ngày ..... tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.16: Sổ Cái TK 641**

**SỔ CÁI**

TK 641\_Chí phí bán hàng

Năm 2009

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TT	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	111			14.325.965	173.684.398
	112				11.627.138
	335			197.818.000	2.323.487.890
	331				67.931.250
	...				.....
1	Cộng phát sinh nợ			<b>212.143.965</b>	<b>2.606.034.613</b>
2	Tổng số phát sinh có			<b>212.143.965</b>	<b>2.606.034.613</b>
3	Số dư cuối tháng	Nợ			
		Có			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.17: Sổ Cái TK 642**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

**SỔ CÁI**  
TK 642\_Chí phí QLDN  
Năm 2009

	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	111			74.578.295	967.065.295
	112			9.373.445	342.970.877
	152			3.222.828	22.767.009
	153			368.000	11.507.000
	214			25.000.000	215.000.000
	331			557.720	51.788.423
	351			10.000.000	107.292.600
	3337			10.000.000	163.919.600
	...			...	...
1	Cộng phát sinh nợ			<b>133.148.297</b>	<b>2.088.253.619</b>
2	Tổng số phát sinh có			<b>133.148.297</b>	<b>2.088.253.619</b>
3	Số dư cuối tháng	Nợ			
		Có			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ                      Kế toán trưởng                      Giám đốc  
 (Ký, họ tên)                      (Ký, họ tên)                      (Ký tên)



**2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí trong hoạt động tài chính tại Nhà máy Đất đèn và Hoá Chất Tràng Kênh**

Doanh thu hoạt động tài chính của Nhà máy: Lãi tiền gửi, thu tiền thuê nhà,

Chi phí tài chính của Nhà máy là các khoản chi phí bỏ ra liên quan đến hoạt động tài chính. Trong đó chủ yếu là lấy vay ngân hàng

❖ **Chứng từ sử dụng:**

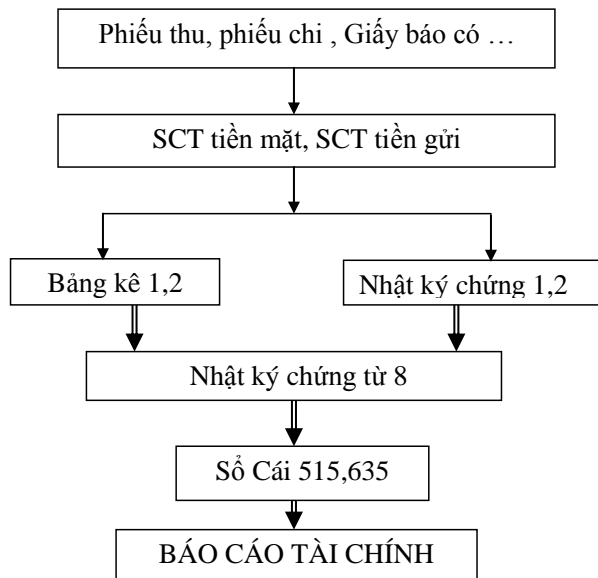
- Phiếu chi, phiếu thu
- Giấy báo có, giấy báo nợ

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí tài chính Nhà máy sử dụng

- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

**Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



Ghi chú:      → Ghi hàng ngày  
                  ⇨ Ghi cuối tháng

**Ví dụ 5:** Ngày 10/12/2009 Chi tiền cho Anh Đoàn Hữu Thuân trả tiền thuê người cắt cỏ bơm nước khu nhà ba tầng

**Ví dụ 6:** Ngày 29/12/2009 Nhận lãi tiền gửi từ ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trần Phú.

Từ Phiếu chi 578 (**Biểu 2.18**) Giấy báo có (**Biểu 2.19**) kế toán vào sổ chi tiết tiền mặt, sổ chi tiết gửi ngân hàng, lấy số liệu tổng vào Nhật ký chứng từ số 1 (**Biểu 2.20**), Bảng kê số 2 (**Biểu 2.21**). Cuối tháng số liệu được tập hợp vào Nhật ký chứng từ số 8 (**Biểu 2.22**). Số liệu trên NKCT 8 là căn cứ vào Sổ Cái TK 515 (**Biểu 2.23**). Sổ Cái TK 635 (**Biểu 2.24**)

**Biểu 2.18 Phiếu chi số 578**

Đơn vị .....	<b>PHIẾU CHI</b> Số 578	Mẫu số 02_TT
Địa chỉ.....	Ngày 10 tháng 12 năm 2009	QĐ số : 15/2006/QĐ BTC
Số ĐKDN.....		Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
	<b>NỢ</b> 635	<i>Quyển số</i> .....
	<b>CÓ</b> 111	

Họ và tên người nhận tiền : Anh Thuân

Địa chỉ : Minh Đức - Thủy Nguyên - Hải Phòng

Lý do chi: Thuê bảo vệ ngoài bơm nước khu nhà ba tầng

Số tiền : **900 .000** (viết bằng chữ) Chín trăm ngàn đồng

Kèm theo: 02 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền : **900.000**

Ngày 10 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người lập phiếu    Người nộp    Thủ quỹ

**Biểu 2.19: Giấy báo có**

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Chi nhánh Trần Phú - Hải Phòng

MST của CN: 0100695309

**GIẤY BÁO CÓ**

Tên khách hàng:

**CN Công ty TNHH một thành viên hơi kỹ nghệ que hàn**

**Nhà máy Đát đèn và Hoá chất Tràng Kênh (028586939)**

Địa chỉ : Thị trấn Minh Đức - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng

MST của KH:0300422482009

Thông báo với quý khách hàng:

Chúng tôi đã ghi Nợ vào TK của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền sau:

Chúng tôi đã ghi Có vào TK của quý khách hoặc trả bằng tiền mặt số tiền sau:

Diễn giải	Trả lãi tiền gửi
Số TK: 21252112048	Số GD: 2125OTT101000424
Số tiền	2.332.700,00

Số tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm đồng.

Người in: Nguyễn Hồng Vân

Ngày in : 29/12/2009

Giờ in: 10:19:27

Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát

**Biểu 2.20 Bảng kê số 2**

**Nhà máy Đất đèn & hoá chất Tràng Kênh**

**BẢNG KÊ SỐ 2**

Ghi nợ TK 112\_Tiền mặt

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 112- Ghi có các tài khoản						
Số	Ngày		131	511	331	3331	515	3383	Cộng
1		Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT TRân Phú	3.841.861.390	72.625.000		5.075.000	2.332.700		3.921.894.090
2		Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thuỷ Nguyên	15.706.369		10.230.000		106.200	2.632.100	28.674.669
		<b>Cộng</b>	<b>3.857.567.759</b>	<b>72.625.000</b>	<b>10.230.000</b>	<b>5.075.000</b>	<b>2.438.900</b>	<b>2.632.100</b>	<b>3.950.568.759</b>

Ngày ..tháng 12 năm 2009

Kế toán

Đã ký

Kế toán trưởng

Đã ký

Giám đốc

Đã ký

**Biểu 2.21: Nhật ký chứng từ số 1**

**Nhà máy Đất đèn & hoá chất Trảng Kênh**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1**

Tháng 12 năm 2009

Ngày	Ghi có TK111-Ghi nợ các TK											Cộng có TK 111	
	335	642	331	627	141	635	334	641	152	2413	...		
1	750.000		11.818.500					300.000					12.868.500
2		3.885.455											3.885.455
...		...		...	...		...	...	...	...			...
10	17.200.000	9.545.454	17.211.500	4.686.600		900.000	323.568.100	12.725.965	1.664.000	5.810.500			409.060.519
12	10.000.000												10.000.000
13	2.000.000	3.326.500	15.866.000		14.000.000								35.192.500
	..	..	..	..	..	..	..	..	..	...			..
	<b>71.650.000</b>	<b>74.578.295</b>	<b>61.735.408</b>	<b>55.728.300</b>	<b>19.000.000</b>	<b>900.000</b>	<b>407.192.500</b>	<b>14.325.965</b>	<b>1.664.000</b>	<b>5.810.500</b>	<b>....</b>		<b>820.264.757</b>

Ngày tháng 12 năm 2009

Kế toán  
Đã ký

Kế toán trưởng  
Đã ký

Giám đốc  
Đã ký

**Biểu 2.22: Nhật ký chứng từ số 8**

**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8**

Tháng 12 năm 2009

TT	Ghi có TK	155	5112	5113	632	635	515	911	421	...	Tổng cộng
	Ghi nợ TK										
1	2										
	111		162.784.068	4.023.488			1.966.000			...	<b>753.607.097</b>
	112		69.875.000	2.750.000			2.438.900			...	<b>3.950.568.759</b>
	131		3.238.05.022	81.986.854						...	<b>4.075.316.199</b>
	...		...	...	...			...		...	...
	511							3.559.524.432		...	<b>3.559.524.432</b>
	512							542.250.000		...	<b>542.250.000</b>
	515							4.404.900		...	<b>4.404.900</b>
	632	3.700.264.041								...	<b>3.700.264.041</b>
	911				3.700.264.041	900000			59723029	...	<b>4.106.179.332</b>
	Cộng	4.641.003.843	3.470.764.090	887.60.342	3.700.264.041	900000	4404900	4.106.179.332	59.723.029	...	<b>29.041.116.951</b>

Ngày .... tháng 12 năm 2009

Kế toán  
Đã ký

Kế toán trưởng  
Đã ký

Giám đốc  
Đã ký

**Biểu 2.23: Sổ Cái TK 515**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

**SỔ CÁI**

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2009

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

TT	Ghi có các TK đối ứng với Nợ TK này	...	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	911			4.404.900	146.877.184
1	Cộng phát sinh nợ			<b>4.404.900</b>	<b>146.877.184</b>
2	Tổng phát sinh có			<b>4.404.900</b>	<b>146.877.184</b>
3	Số dư cuối tháng	Nợ			
		Có			

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký tên)

**Biểu 2.24 Sổ Cái TK 635**

**SỔ CÁI**

TK 635 – Chi phí tài chính

Năm 2009

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

ST T	Ghi có các TK đối ứng với Nợ TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 12
	111			900000	10.800.00 0
1	Cộng phát sinh nợ			<b>900000</b>	<b>10.800.00 0</b>
2	Tổng phát sinh có			<b>900000</b>	<b>10.800.00 0</b>
3		Nợ			
	Số dư cuối tháng	Có			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kê toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký tên)



### **2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh**

#### **❖ Đặc điểm Thu nhập khác tại Nhà máy**

Thu nhập khác của Nhà máy là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu nói trên. Phát sinh không nhiều và tại Nhà máy chủ yếu là từ thanh lý TSCĐ và từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.

#### **❖ Đặc điểm của Chi phí khác tại Nhà máy:**

Chi phí khác là các khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính.

Đối với chi phí khác phát sinh không nhiều chủ yếu là giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán, các khoản tiền nộp phạt như vi phạm hợp đồng kinh tế, nộp phạt thuế

#### **❖ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Quyết định thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo có, giấy báo nợ

#### **❖ Tài khoản sử dụng:**

Để hạch toán thu nhập khác và chi phí khác Nhà máy sử dụng:

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

#### **❖ Phương pháp hạch toán**

*Trong tháng 12 Nhà máy không phát sinh thu nhập khác và chi phí khác nên em không lấy dẫn chứng*

**2.2.4: Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy**

**Đất đèn và Hóa Chất Tràng Kênh**

**Nội dung xác định kết quả kinh doanh**

Cuối kỳ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

**◆ Đối với hoạt động SXKD:**

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{Tổng doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ} \\ &= 4.101.774.432 - 0 = 4.101.774.432 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lãi gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ &= 4.101.774.432 - 3.700.264.041 = 401.510.391 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần} &= \text{Lãi gộp} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} \\ &= 401.510.391 - 212.143.965 - 133.148.297 = 56.218.129 \end{aligned}$$

**◆ Đối với hoạt động tài chính:**

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận từ} & & \text{Thu nhập từ} & & \text{Chi phí từ} \\ \text{hoạt động tài chính} & = & \text{hoạt động TC} & - & \text{hoạt động TC} \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = 4.404.900 - 900.000 = 3.504.900$$

**◆ Đối với hoạt động khác:**

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} = 0$$

$$\begin{aligned} \text{Tổng lợi} & & & & \text{Lợi nhuận} & & & & \text{Lợi nhuận} \\ \text{nhuận} & = & \text{Lợi nhuận} & + & \text{từ hoạt động} & + & \text{Lợi nhuận} \\ & & \text{từ hoạt động SXKD} & & \text{Tài chính} & & \text{khác} \end{aligned}$$

**✚ Xác định kết quả kinh doanh**

$$\text{Tổng lợi nhuận} = 56.218.129 + 3.504.900 + 0 = \mathbf{59.723.029}$$

Nhà máy Đất Đèn và Hóa Chất chỉ xác định tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu được rồi chuyển vào Miền Nam mà không hạch toán chi phí thuế TNDN. Công ty TNHH một thành viên Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn sẽ cộng tổng lợi nhuận trước thuế của các chi nhánh rồi xác định chi phí thuế TNDN phải nộp.

Formatted: Indent: Left: 0", First line: 0.39", Right: 0", No widow/orphan control, Tab stops: Not at 0.5"

Formatted: Indent: Left: 0", First line: 0.39", Right: 0", Picture bulleted + Level: 1 + Aligned at: 0.25" + Tab after: 0.5" + Indent at: 0.5", No widow/orphan control, Tab stops: Not at 0.5"

Formatted: Indent: Left: 0", First line: 0.39", Right: 0", Picture bulleted + Level: 1 + Aligned at: 0.25" + Tab after: 0.5" + Indent at: 0.5", No widow/orphan control, Tab stops: Not at 0.5"

**Biểu 2.25: Nhật ký chứng từ số 8**  
**NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8**  
 Tháng 12 năm 2009

TT	Ghi có TK		5112	632	641	642	635	911	421	...	Tổng cộng
	Ghi TK	Nợ									
1	2										
	111		162.784.068							...	753.607.097
	112		69.875.000							...	3.950.568.759
	131		3.238.05.022							...	4.075.316.199
	...		...					...		...	...
	511						3.559.524.432			...	3.559.524.432
	512						542.250.000			...	542.250.000
	515						4.404.900			...	4.404.900
	632									...	3.700.264.041
	635									...	900000
	911			3.700.264.041	212.143.965	133.148.297	900.000		59723029	...	4.106.179.332
			<b>3.470.764.090</b>	<b>3.700.264.041</b>	212.143.965	133.148.297	900.000	<b>4.106.179.332</b>	<b>59.723.029</b>	...	<b>29.041.116.951</b>

Ngày ... tháng ... năm 2009

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.26 Sổ Cái TK 911**

**Nhà máy Đát đèn & hoá chất Trảng Kênh**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

**SỔ CÁI**

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2009

STT	Ghi có các TK đối ứng với TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	632			3.700.264.041	41.081.405.818
	635			900.000	10.800.000
	641			212.143.965	2.606.034.613
	642			133.148.297	2.088.253.619
	421			59.723.029	3.498.929.530
1	Cộng số phát sinh nợ			<b>4.106.179.332</b>	<b>49.285.423.580</b>
2	Tổng số phát sinh có			<b>4.106.179.332</b>	<b>49.285.423.580</b>
3	Số dư cuối năm	Nợ			
		Có			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.27 Sổ Cái TK 421**

**Nhà máy Đát đèn & hoá chất Tràng Kênh**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	2.518.565.521

**SỔ CÁI**

TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2009

TT	Ghi có các TK đối ứng nợ với TK này	....	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
	336			59.723.029	
1	Cộng phát sinh Nợ			<b>59.723.029</b>	<b>3.498.929.530</b>
2	Tổng số phát sinh Có			<b>524.175.040</b>	<b>6.747484.298</b>
3	Số dư cuối tháng	Nợ			
		Có			<b>5.767.120.289</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2009*

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**CHƯƠNG 3:**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY  
ĐẤT ĐÈN VÀ HÓA CHẤT TRÀNG KÊNH**

**3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Tràng Kênh**

**3.1.1: Kết quả đạt được**

**3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán**

Nhà máy tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý sẽ được gửi về phòng kế toán. Sau đó phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác và hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của Nhà máy, đảm bảo tính tập trung và thống nhất của công tác kế toán, dễ kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin giúp ban lãnh đạo nắm bắt tình hình hoạt động của Nhà máy.

- Bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện đúng chế độ hiện hành. Đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm, nhiệt tình ham học hỏi nâng cao trình độ trong công việc. Mỗi kế toán viên đảm nhiệm công việc cụ thể rõ ràng, tránh sự trùng lặp trong công việc, hiệu quả làm việc cao.

**3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng**

Các chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều sử dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp quyết định số 15/2006/ QĐ-BTC ngày 20/ 3/ 2006

- Chứng từ kế toán

Việc sử dụng chứng từ và luân chuyển chứng từ tại Nhà máy cơ bản là thực hiện đúng theo quy định của Bộ Tài Chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quy trình luân chuyển chứng từ được thực hiện kịp thời khoa học.

- Về hệ thống tài khoản, sổ sách sử dụng

Nhà máy sử dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính. Nhà máy có bổ sung thêm một số tài khoản và tiểu khoản phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Nhà máy và thuận tiện cho việc hạch toán kế toán.

Nhà máy mở tương đối đầy đủ các sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký – chứng từ

### **3.1.1.3 Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Tổ chức thông tin ở Nhà máy được thực hiện khá tốt luôn cập nhập kịp thời những thay đổi mới về chế độ, chuẩn mực kế toán trong đó có vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hiện nay Nhà máy đang tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán doanh nghiệp quyết định số 15/2006/QĐ- BTC chuẩn mực kế toán số 14 về doanh thu và thu nhập khác.

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Nhà máy.

- Về việc xác định trị giá vốn hàng bán: Nhà máy sử dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của Nhà máy.

- Về tổ chức kế toán chi phí: Chi phí là một trong những vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại Nhà máy bước đầu được đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Nhà máy đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Nhà máy trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Nhà máy một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Nhà máy.

### **3.1.2 Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy Đất Đền và Hóa Chất Tràng Kênh**

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Nhà máy Đất Đền và Hoá Chất Tràng Kênh vẫn còn có những hạn chế nhất định

#### **3.1.2.1 Việc sử dụng sổ sách kế toán tại Nhà máy**

Nhà máy không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu riêng cho từng loại sản phẩm. Việc này khiến nhà quản trị doanh nghiệp không xác định được doanh thu của từng mặt hàng từ đó không xác định được sản phẩm nào là sản phẩm cần đẩy mạnh hay thu hẹp sản xuất sản xuất.

#### **3.1.2.2 Việc hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Nhà máy chưa mở TK cấp 2 để theo dõi cho TK TK 641, TK 642. Điều này khiến cho Ban lãnh đạo không theo dõi được các yếu tố chi phí nên Nhà máy gặp khó khăn và khó đề ra các biện pháp quản lý chi phí có hiệu quả.

- Bảng kê số 5 Nhà máy chưa theo dõi chi tiết cho từng yếu tố chi phí của tài khoản TK 641, TK 642.

#### **3.1.2.3 Về tình hình công nợ**

Nhà máy có rất nhiều khách hàng mà việc kinh doanh là không tránh khỏi những rủi ro. Vấn đề nợ khó đòi hoặc có thể vì lý do nào đó mà doanh nghiệp hợp tác không có khả năng thanh toán số nợ. Nhà máy lúc đó sẽ chưa thể thu hồi nợ sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt vốn một cách đột ngột. Mà hiện tại Nhà máy **chưa lập dự phòng phải thu khó đòi.**



**Biểu 3.1: Báo cáo tình hình công nợ**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2009**

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ Đầu kỳ	Số tiền hàng lấy trong kỳ	Số tiền đã trả	Số dư nợ	Ghi chú
1	CTy cổ phần Khí CNVN	183,800,400	276,300,000	183,800,400	276,300,000	
2	Thuyết : CTy TNHH Khí CN ĐAnh	199,163,760	46,050,000	91,270,200	153,943,560	
3	CTy TNHH ARIPACK HNội	119,000,000			119,000,000	Nợ cũ - P/s 10/12/2007
4	C.ty CP Pin ắc qui Vinh Phú	7,153,000			7,153,000	Nợ cũ - P/s 10/01/2006
5	Ông Chúc: Thái bình	11,000,000			11,000,000	Không có khả năng thu hồi
6	CTy Phân bón Hoá chất Cần Thơ	24,724,100			24,724,100	Hạn thanh toán 2/01/2008
7	HTX Mỹ Trung Mỹ Văn HYên	72,410,275			72,410,275	Không có khả năng thu hồi
	.....					.....
104	CTy TNHH TM Bạch Đằng HCM	114,000,990			114,000,990	Hạn thanh toán 15/12/2008
105	CTy CP nhựaThiếu niên Tiên Phong	325,500,000	195,300,000	325,500,000	195,300,000	Hạn thanh toán 15/02/2009
106	CTy TNHH SX Bao Bì HANPACK	-170,560,000			-170,560,000	Khách hàng ứng trước tiền hàng
107	CTyTNHH ICI Việt Nam	948,360,000	367,584,000	379,344,000	936,600,000	
108	CTyTNHH Lâm Linh : H Yên	198,820,956	114,816,000	60,000,000	253,636,956	
109	Cty CP GaLaXy Việt Nam	196,487,136			196,487,136	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7.205.200.468</b>	<b>3.442.203.699</b>	<b>4.118.014.511</b>	<b>6.524.294.656</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

#### **3.1.2.4 Về việc sử dụng chiết khấu thanh toán**

Hiện nay việc áp dụng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh của Nhà máy chưa thực sự hiệu quả. Trong thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Nhà máy **chưa áp dụng chiết khấu thanh toán** để nhanh chóng thu hồi vốn, mở rộng sản xuất.

#### **3.1.2.5: Việc sử dụng phần mềm kế toán**

Nhà máy đã sử dụng tin học trong việc hạch toán kế toán bằng những công cụ hỗ trợ như Word, Excel. Nhưng với việc phát triển của nền kinh tế trong thời đại bùng nổ thông tin thì việc sử dụng các phần mềm kế toán sẽ có rất nhiều tiện ích. Trong khi đó Nhà máy vẫn chưa áp dụng phần mềm kế toán vào trong công tác kế toán.

### **3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh.**

#### **3.2.1 Giải pháp về hoàn thiện hệ thống sổ sách sử dụng của Nhà máy**

- Là doanh nghiệp sản xuất nhiều những mặt hàng : Đất đèn, muối, bột nhẹ, hạt Tracal ...Việc mở sổ chi tiết theo doanh thu cho từng hàng hoá tiêu thụ là cần thiết. Giúp cho nhà quản trị theo dõi được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Từ đó nhà quản trị nhận thấy mặt hàng thế mạnh của Nhà máy. Và có biện pháp tăng sản xuất mặt hàng nào và giảm mặt hàng nào. Cũng như có những chiến lược khác để kích thích tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy

**Biểu 3.2 Sổ chi tiết bán hàng**

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): .....

Năm: .....

Quyển số: .....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh trong kỳ Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp						

Sổ này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: .....

Ngày ... tháng ... Năm...

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

*Ví dụ minh họa:* Mở sổ chi tiết bán hàng cho sản phẩm Bột nhẹ - TK 01. Từ đó xác định được lợi nhuận gộp của sản phẩm Bột nhẹ - TK 01

**Biểu 3.3: Sổ chi tiết bán hàng**

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

**Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Bột nhẹ-TK01**

Tháng 12 năm 2009

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Doanh thu		
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3
	86017	2-12	Bán cho Cty ICI VN	131	14	3.225.715	45.160.000
	86018	2-12	Bán cho Cty ICI VN	131	14	3.225.715	45.160.000
	86027	3-12	Bán cho Cty CP Lâm Linh	111	5	3.225.715	16.128.575
	...		....	...			.....
	86328	27-12	Bán cho Cty Alphanam	112	10	3.225.715	32.257.150
		31-12	Cộng phát sinh trong kỳ		284.55	3.225.715	<b>917.877.203</b>
			Doanh thu thuần				<b>917.877.203</b>
			Giá vốn hàng bán				<b>859.483.275</b>
			Lãi gộp				<b>58.438.928</b>

Ngày ... tháng ... năm

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

Từ ví dụ trên qua sổ chi tiết bán hàng có thể thấy được lãi gộp của sản phẩm Bột nhẹ - TK 01. Sổ chi tiết bán hàng cho các sản phẩm thì sẽ thấy được sản phẩm nào có lãi gộp cao để đẩy mạnh sản xuất.

**3.2.2 Giải pháp về việc hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Hiện nay Nhà máy đã mở tài khoản 641, 642 để theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. Nhưng Nhà máy chưa mở TK cấp 2 để theo dõi chi tiết cho chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Nhà máy nên mở thêm các tài khoản cấp 2 cho chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp như sau:

❖ Chi phí bán hàng

- + TK 6411 – Chi phí nhân viên
- + TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì
- + TK 6413 – Chi phí dụng cụ , đồ dùng
- + TK 6414 – Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp:

- + TK 6421\_ Chi phí nhân viên quản lý
- + TK6423\_ Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK6424\_ Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK6425\_ Thuế , phí lệ phí
- + TK6428\_ Chi phí bằng tiền khác

Do không theo dõi chi tiết cho từng yếu tố chi phí nên trên Bảng kê số 5 kế toán tại Nhà máy đã không theo dõi chi tiết cho TK 641, TK 642. Nhà máy nên lập lại Bảng kê số 5 với các tài khoản cấp 2 dùng theo dõi chi tiết.

**Biểu 3.4: Bảng kê số 5**

**BẢNG KÊ SỐ 5**

**Tập hợp:** Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 Năm 2009

TT	Các TK ghi Có	152	153	214	331	3337	335	351	...	Các Tk phản ánh ở NKCT khác		Cộng CP
	Các TK ghi Nợ									NKCT số 1	NKCT số 2	
	<b>TK 641 - Chi phí bán hàng</b>						<b>197.818.000</b>			<b>14.325.965</b>		<b>212143965</b>
	Chi phí nhân viên								...			
	Chi phí vật liệu, bao bì											
	Chi phí CCDC											
	Chi phí khấu hao											
	Chi phí dịch vụ mua ngoài						197.818.000					
	Chi phí bằng tiền khác									14.325.965		14325965
	<b>TK 642 - Chi phí QLDN</b>	<b>3.222.828</b>	<b>368.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>557.720</b>		<b>10.000.000</b>		<b>74578295</b>	<b>9373445</b>	<b>133148297</b>
	Chi phí nhân viên quản lý											
	Chi phí vật liệu quản lý	3.222.828										
	Chi phí đồ dùng văn phòng		368.000									
	Chi phí khấu hao			25.000.000								
	Thuế phí và lệ phí				10.000.000							
	Chi phí dự phòng							10.000.000				
	Chi phí dịch vụ mua ngoài					557.720					9.373.445	
	Chi phí bằng tiền khác									74578295		

### **3.2.3 Về tình hình quản lý công nợ:**

#### **• Trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Nhà máy có khá nhiều khách hàng và chủ yếu là bán chịu vì vậy khoản phải thu khách hàng của Nhà máy là tương đối cao. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi là cần thiết.

#### **❖ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

-Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Có đủ căn cứ xác định là nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác

+ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị các cơ quan pháp luật truy tố,...

Những khoản nợ quá 3 năm trở nên coi như không có khả năng thu hồi nợ và được xử lý xóa nợ.

#### **❖ Phương pháp lập dự phòng:**

*Mức trích lập :*

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm

-Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Tài khoản sử dụng: TK 139 – Dự phòng phải thu khó đòi**

**Kết cấu tài khoản:**

**Bên Nợ:**

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

**Bên Có:**

Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**Số dư bên Có:**

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc các khoản nợ quá hạn, doanh nghiệp tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ phải thu khó đòi đó là hợp lý và có thật.

**Xử lý khoản dự phòng:**

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong hạch toán kế toán Nhà máy cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Căn cứ vào số dự phòng còn lại trên số dư của TK 139 so với số dự phòng cần phải trích lập cho năm tiếp theo

1. Khi các khoản nợ phải thu xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định trên, nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

2. Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm trước thì Nhà máy phải trích thêm vào CP QLDN phần chênh lệch giữa số phải trích lập cho năm sau với số dư dự phòng đã trích lập cho năm trước. Bút toán ghi số:

Nợ TK 642: CPQLDN

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

3. Nếu số trích lập năm sau thấp hơn số dư khoản dự phòng phải thu khó



đòi, thì Nhà máy phải hoàn nhập vào Thu nhập khác phần chênh lệch giữa số dư khoản dự phòng đã trích lập cho năm sau.

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: CPQLDN (Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

4. Các khoản phải thu khó đòi khi xác định thực sự là thực sự không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành.

Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi :

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi ( Nếu đã trích dự phòng )

Nợ TK 642 : Chi phí QLDN ( Nếu chưa trích dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý) Để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

5. Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ TK 111, 112:

Có TK 711: Chi phí khác

**Ví dụ minh họa:**

Dựa trên Báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2009 (**Biểu 3.1**) và mức trích lập dự phòng theo thông tư 288/2009/TT-BTC, kế toán tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2009 như sau:

- Số trích lập dự phòng =  $7.153.000 * 100\% + (119.000.000 * 70\%) + (24724.100 + 114.000.000) * 50\% + (195.300.000 * 30\%) = 218.405.050$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 218.405.050

Có TK 139: 218.405.050

- Số nợ phải xóa số =  $11.000.000 + 72.410.275 = 83.410.275$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 83.410.275

Có TK 131 : 83.410.275

Đồng thời ghi: Nợ TK 004: 83.410.275

### **3.2.4 Giải pháp về sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

Trong nền kinh tế thị trường vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp là hiệu quả sử dụng vốn, tức là vốn của doanh nghiệp phải được quay vòng nhanh. Vấn đề này có liên quan đến việc thu hồi nợ và các đơn vị thông qua việc mua bán giao dịch thị trường chiếm dụng vốn lẫn nhau.

Việc quay vòng vốn luôn là vấn đề quan trọng trong sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp. Nếu một doanh nghiệp có khả năng và tốc độ quay vòng vốn cao sẽ có cơ hội phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh và ngược lại. Là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng công nghiệp nặng, khách hàng tương đối nhiều nên không tránh khỏi việc khách hàng chậm tiền ứ đọng vốn. Do vậy Nhà máy nên áp dụng “ Chính sách chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, luôn thực hiện đúng hợp đồng thanh toán đúng và trước hạn.

#### **Phương pháp hạch toán:**

Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà Nhà máy có thể đưa ra những tỉ lệ phần trăm (%) chiết khấu phù hợp. Thông thường, tỉ lệ chiết khấu được hưởng là từ 1% - 2% trên tổng giá thanh toán. Khi thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán Nhà máy cần đảm bảo 2 nguyên tắc: lợi ích của nhà máy không bị xâm phạm, không làm mất bạn hàng

Chiết khấu thanh toán được phản ánh vào TK 635 – Chi phí tài chính

Nợ TK 635: CP tài chính (Khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng)

Có 131, 111, 112...

Cuối kỳ kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 :Chi phí tài chính (Khoản CK thanh toán cho khách hàng)

### **3.2.5 Giải pháp về phần mềm kế toán**

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, các ứng dụng công nghệ vào thực tiễn đời sống nói chung và trong tổ chức kế toán nói riêng là rất cần thiết và thuận tiện.

Cần phải sớm ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cụ thể là việc sử

dụng phần mềm kế toán để cập nhật dữ liệu hàng ngày, giúp nhanh chóng có được những thông tin cần thiết cũng như việc tìm kiếm dữ liệu được nhanh và kịp thời

Hơn nữa việc sử dụng phần mềm kế toán giúp cho doanh nghiệp giảm thiểu được thời gian cũng như nhân lực trong quá trình làm việc.

Nhà máy nên sử dụng phần mềm kế toán trên máy để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giúp cho nhân viên kế toán chi tiết khỏi công tác tìm kiếm kiểm tra số liệu tính toán, tổng hợp một cách đơn điệu nhằm chận để họ dành nhiều thời gian tập trung cho công việc kế toán quản trị, đưa ra những ý kiến sáng tạo.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều những phần mềm có tính năng vượt trội, thích hợp cho các công ty sử dụng các hình thức kế toán khác nhau. Giao diện và cách sử dụng thân thiện với nhiều người mà chi phí bỏ ra hợp lý.

Nhà máy áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ nên chọn các phần mềm có sử dụng sổ sách kế toán cho hình thức Nhật ký - chứng từ

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp. Ví dụ như phần mềm kế toán máy **Metadata accounting, Esoft...**

+ Phần mềm kế toán máy **Metadata accounting** được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí “Đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của Doanh nghiệp”. Metadata được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán tài chính – Quản trị doanh nghiệp, phù hợp với các loại hình doanh nghiệp: Thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp.



+ Phần mềm kế toán máy Esoft có khả năng hỗ trợ khối lượng dữ liệu lớn hàng triệu bản ghi/ năm, hỗ trợ dữ liệu trong nhiều năm cùng trên một cơ sở dữ liệu, hỗ trợ các chế độ kế toán thông dụng: Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ.... Hệ thống chứng từ sổ sách tuân theo chuẩn mực mới nhất do Bộ Tài Chính quy định. Đặc biệt rất phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh đặc trưng của công ty CP than Vàng Danh (tính giá thành theo công đoạn và không theo công đoạn, tính giá thành cho nhiều đối tượng tính giá thành cùng lúc theo nhiều phương pháp khác nhau...). Ngoài ra còn rất nhiều các chức năng khác giúp cho việc hạch toán kế toán, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng , chính xác và kịp thời. Vì vậy, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy Esoft.

*Esoft là kinh tế (Economic), hiệu quả (Effectve), và dễ sử dụng (Easy)*



## **KẾT LUẬN**

Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra và giảm thiểu chi phí nhưng vẫn không làm giảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Nhà máy Đất Đền và Hóa Chất Trảng Kênh cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tại Nhà máy Đất Đền và Hóa Chất Trảng Kênh. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận với thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy em mong nhận được sự chỉ bảo đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng các cán bộ phòng kế toán Nhà máy Đất Đền và Hóa Chất Trảng Kênh và các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng, em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường ĐHDL Hải Phòng và các cô bác trong phòng kế toán tại Nhà máy Đất Đền và Hóa Chất Trảng Kênh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2010*

Sinh viên

**Phạm Thị Thanh Nga**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT- TS Nguyễn Văn Công .
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới - TS Võ Văn Nhị.
3. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới - TS Nghiêm Văn Lợi
4. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS PTS Ngô Thế Chi
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 1) - Hệ thống tài chính kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp ( Quyển 2)- Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính
7. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
8. Quản trị tài chính doanh nghiệp - TS Võ Đăng Nam
9. Kế toán tài chính - TS Phan Đức Dũng - Nhà xuất bản Thống kê

**MỤC LỤC**

**LỜI MỞ ĐẦU**..... 1

**CHƯƠNG 1:NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**..... 2

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ..... 2

1.2 Phân loại hoạt động kinh doanh và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 3

1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 5

1.4 Nội dung tổ chức kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 6

1.4.1 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp..... 6

1.4.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp .... 6

1.4.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp.....10

1.4.1.3. Tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và Giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. .... 12

1.4.1.4 Tổ chức doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..... 19

1.4.1.5 Tổ chức kế toán chi phí bán hàng , chi phí quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp..... 21

1.4.2 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động tài chính trong doanh nghiệp ..... 24

1.4.3 Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí của hoạt động khác trong doanh nghiệp..... 27

1.4.4 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh ..... 30

1.5 Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 32

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG NHÀ MÁY ĐẤT ĐÈN VÀ HÓA CHẤT TRÀNG KÊNH..... 35**

2.1 Giới thiệu Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Tràng Kênh..... 35

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Nhà máy ..... 35

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh ..... 36

2.1.3 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Tràng Kênh ..... 38

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Nhà máy..... 39

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Nhà máy. .... 39

2.1.4.2. Hình thức kế toán và phương pháp kế toán áp dụng tại Nhà máy..... 41

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Nhà máy Đất đèn & Hoá chất Tràng Kênh..... 42

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh ..... 42

2.2.1.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán tại Nhà máy Đất đèn và Hóa Chất Tràng Kênh..... 42

2.2.1.2 Thực trạng tổ chức kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Nhà máy Đất Đèn và Hóa Chất Tràng Kênh..... 56

2.2.1.3 Thực trạng tổ chức kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại nhà máy Đất Đèn và Hóa chất Tràng Kênh..... 56

2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí trong hoạt động tài chính tại Nhà máy Đất đèn và Hoá Chất Tràng Kênh..... 65

2.2.3 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí hoạt động khác tại Nhà máy Đất đèn và Hóa chất Tràng Kênh ..... 73

2.2.4: Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy Đất đèn và Hóa Chất Tràng Kênh ..... 74



<b>CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI NHÀ MÁY ĐẤT ĐÈN VÀ HÓA CHẤT TRÀNG KÊNH.....</b>	<b>78</b>
3.1 Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy Đất đèn và Hoá chất Tràng Kênh.....	78
3.1.1: Kết quả đạt được .....	78
3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán .....	78
3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng .....	78
3.1.1.3 Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	79
3.1.2 Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Nhà máy Đất Đèn và Hóa Chất Tràng Kênh.....	80
3.1.2.1 Việc sử dụng sổ sách kế toán tại Nhà máy .....	80
Nhà máy không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu riêng cho từng loại sản phẩm. Việc này khiến nhà quản trị doanh nghiệp không xác định được doanh thu của từng mặt hàng từ đó không xác định được sản phẩm nào là sản phẩm cần đẩy mạnh hay thu hẹp sản xuất sản xuất.....	80
3.1.2.2 Việc hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	80
3.1.2.4 Về việc sử dụng chiết khấu thanh toán.....	82
3.1.2.5: Việc sử dụng phần mềm kế toán.....	82
3.2.2 Giải pháp về việc hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	85
3.2.3 Về tình hình quản lý công nợ:.....	87
3.2.4 Giải pháp về sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán .....	90
3.2.5 Giải pháp về phần mềm kế toán.....	90
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>93</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>94</b>